



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

ĐC: Lô số 2, CN1 Khu Công Nghiệp Từ Liêm, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: +84-4-62656566 Fax: +84-4-62656588

Email: support@sonha.com.vn

Website: sonha.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung: NEXUS
Thiết kế & in ấn: www.hall.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



Báo cáo thường niên 2010





Nội dung báo cáo

Năm 2010: Kết quả ấn tượng	4	Công ty con và liên kết	44
Thông điệp của Chủ tịch	6	Cổ phiếu Sơn Hà SHI	45
Tổng quan về Sơn Hà	9	Quản trị rủi ro	48
Mô hình kinh doanh	9	Báo cáo của Tổng Giám đốc	49
Tầm nhìn và sứ mệnh	10	Kết quả kinh doanh	50
Chiến lược kinh doanh	11	Kết quả thực hiện kế hoạch	53
Thương hiệu mạnh	13	Tài sản và nguồn vốn	54
Giải thưởng danh giá	14	Lưu chuyển dòng tiền	56
Cơ sở sản xuất hiện đại	15	Báo cáo tài chính	57
Nguồn nguyên vật liệu	19	Báo cáo của ban giám đốc	58
Con người Sơn Hà	20	Báo cáo kiểm toán độc lập	61
Sự kiện nổi bật trong năm	22	Bảng cân đối kế toán	62
Quá trình phát triển Sơn Hà	24	Báo cáo lãi lỗ	66
Sản phẩm của Sơn Hà	26	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	67
Bồn nước Inox	26	Thuyết minh báo cáo tài chính	69
Ống thép không gỉ	28		
Chậu rửa Inox	30		
Thái Dương Năng	32		
Hoạt động thương mại và gia công	34		
Dự án đầu tư lớn	35		
Dự án bất động sản	35		
Dự án xử lý rác thải	36		
Một Sơn Hà vì cộng đồng	37		
Quản trị doanh nghiệp	39		
Hoạt động của HĐQT và BGD	39		
Thành viên HĐQT và BGD	40		
Cơ cấu tổ chức	43		



Năm 2010 - Kết quả ấn tượng

- Doanh thu của Sơn Hà năm 2010 đạt 1.452 tỷ đồng, tăng trưởng 36% so với năm 2009.
- Doanh thu của hầu hết các ngành hàng sản phẩm đều tăng trưởng hai con số.
- Lợi nhuận cho cổ đông của công ty mẹ tăng 94% đạt 69,1 tỷ đồng.
- Lợi nhuận biên hợp nhất cải thiện 2% đạt 6,3% (2009: 4,4%).
- Lãi trên cổ phiếu (EPS) tăng 23% đạt 3.518 đồng/cổ phiếu.
- Tổng tài sản tăng trưởng 46% lên 1.111 tỷ đồng.
- Mức cổ tức đề xuất của năm 2010 là 3.000 đồng trên cổ phiếu.
- Huy động thành công 163 tỷ đồng từ phát hành 10 triệu cổ phiếu và 100 tỷ đồng từ hai đợt phát hành trái phiếu.
- Nợ vay/Vốn chủ sở hữu giảm gần 50% về 1.56 lần tại 31/12/2010.
- Hiệu quả sử dụng vốn lưu động được cải thiện rõ rệt. Vòng quay phải thu khách hàng giảm còn 70 ngày (2009 : 96 ngày).
- Dự án Nhà máy Thép không gỉ tại Hóc Môn và Dự án Mở rộng nhà máy tại Hà Nội được triển khai theo đúng tiến độ.

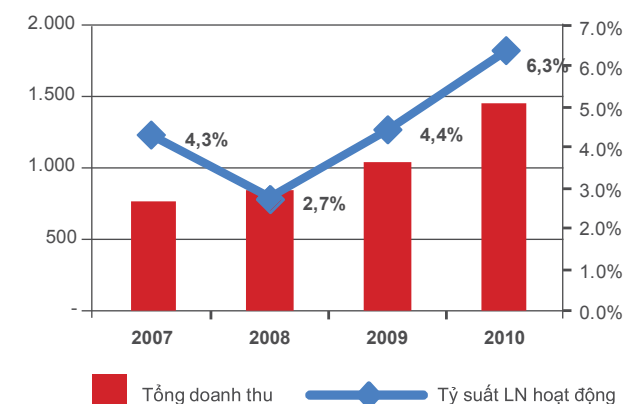
Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Tỷ VND			
Doanh số	844,5	1.067,1	1.451,8
Lợi nhuận gộp	105,1	162,7	253,9
Tỷ suất lợi nhuận gộp	12,4%	15,2%	17,5%
Lợi nhuận hoạt động	23,1	47,1	91,5
Tỷ suất LN hoạt động	2,7%	4,4%	6,3%
Lợi nhuận sau thuế	16,1	35,6	90,2
Tỷ suất lợi nhuận ròng	1,9%	3,3%	6,2%
Lợi nhuận công ty mẹ	16,1	35,6	69,1
Số triệu CPLH bình quân	12,0	12,5	19,7
Lãi trên cổ phiếu/EPS	1.342	2.850	3.518
Cổ tức trên cổ phiếu/DPS		3.000	3.000
Vốn CSH	132,0	203,8	392,7
Tổng tài sản	584,5	761,4	1.111
ROE	12,2%	17,5%	23%
ROA	2,8%	4,7%	8,1%

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Hiệu quả lợi nhuận			
Tỷ VND (riêng EPS là VND)			
EPS	VND 1.342	2.850	3.518
Tỷ suất LN gộp	% 12,4%	15,2%	17,5%
Tỷ suất LN hoạt động	% 2,7%	4,4%	6,3%
Tỷ suất LN ròng	% 1,9%	3,3%	6,2%
Tỷ suất EBITDA	% 7,4%	8,4%	11,1%
Tỷ suất EBIT	% 5,9%	6,6%	9,3%
Hệ số chi trả lãi vay	lần 1,5	2,0	2,1
Khấu hao	Tỷ VND 12,6	19,8	25,7
Chi phí lãi vay	Tỷ VND 33,6	34,4	65,8
EBITDA	Tỷ VND 62,3	89,8	160,6
EBIT	Tỷ VND 49,7	70,0	134,9

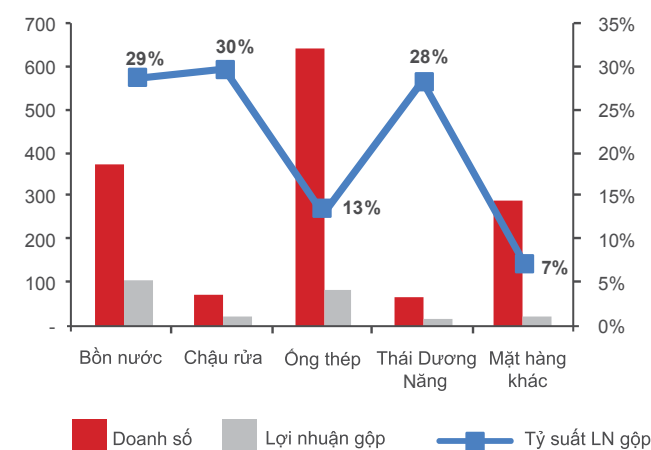
Chỉ số chính đều cải thiện rõ rệt...

Hiệu quả lợi nhuận	2008	2009	2010
Tỷ VND (riêng EPS là VND)			
EPS	VND 1.342	2.850	3.518
Tỷ suất LN gộp	% 12,4%	15,2%	17,5%
Tỷ suất LN hoạt động	% 2,7%	4,4%	6,3%
Tỷ suất LN ròng	% 1,9%	3,3%	6,2%
Tỷ suất EBITDA	% 7,4%	8,4%	11,1%
Tỷ suất EBIT	% 5,9%	6,6%	9,3%
Hệ số chi trả lãi vay	lần 1,5	2,0	2,1
Khấu hao	Tỷ VND 12,6	19,8	25,7
Chi phí lãi vay	Tỷ VND 33,6	34,4	65,8
EBITDA	Tỷ VND 62,3	89,8	160,6
EBIT	Tỷ VND 49,7	70,0	134,9

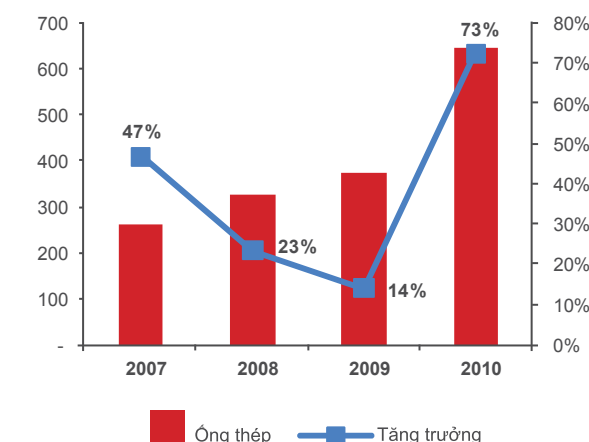
...tỷ suất lợi nhuận hoạt động tăng 2%...



...các mặt hàng chủ đạo đều có lợi nhuận cao hai con số...



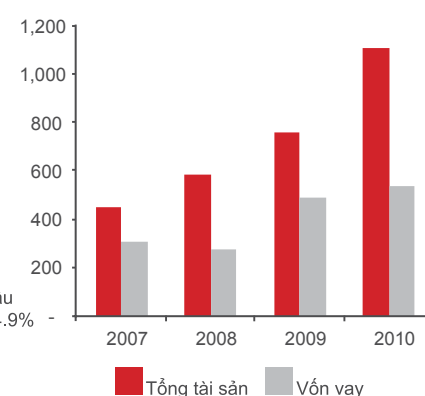
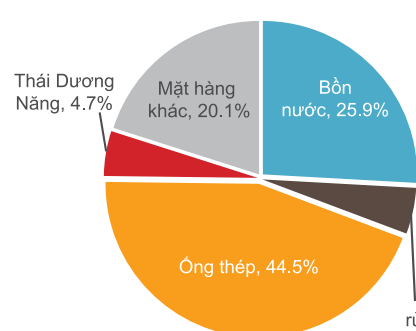
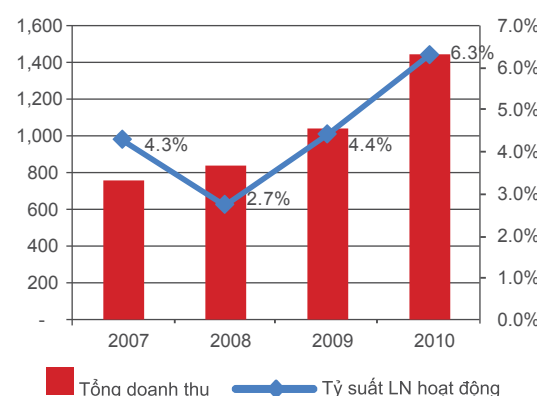
...trong đó ống thép tăng trưởng mạnh nhất: 73%...



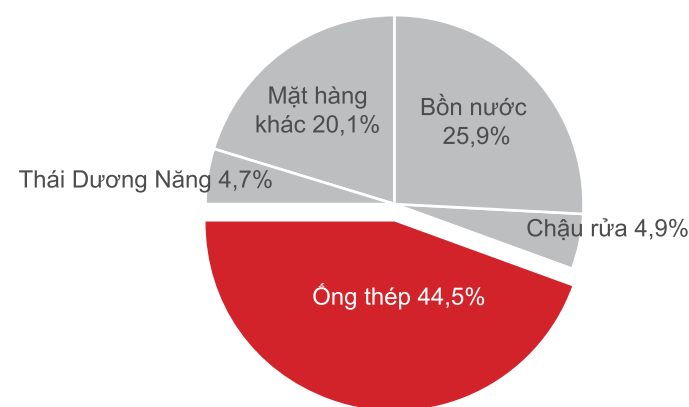
Doanh thu và lợi nhuận

Cơ cấu doanh thu 2010

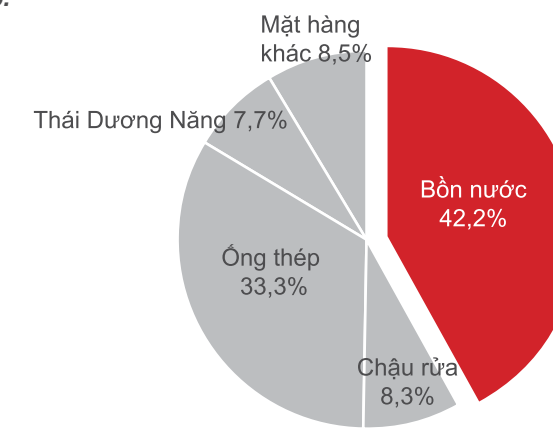
Tài sản và vốn vay



...và ống thép cũng chiếm tỷ trọng tới 45% tổng doanh số...



...nhưng bồn nước chiếm 42% tổng lợi nhuận gộp.



Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



Thưa quý cổ đông,

Tôi rất tự hào được tham gia và phát triển Sơn Hà đã hơn 12 năm qua với vai trò là chủ tịch của Công ty. Tôi kỳ vọng vào tương lai tốt đẹp của Sơn Hà sẽ tiếp tục phát triển thịnh vượng và dẫn đầu trong ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm thép không gỉ. Tầm nhìn của Sơn Hà đến năm 2018 – kỷ niệm 20 năm thành lập công ty - là công ty tiếp tục duy trì vị trí hàng đầu trong ngành sản xuất các sản phẩm gia dụng và công nghiệp từ thép không gỉ, tạo nền tảng vững chắc cho các ngành nghề mới phục vụ nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thể hiện trình độ văn minh đô thị đó là xử lý rác thải và hệ thống siêu thị hiện đại.

VND 1.452 tỷ
Doanh thu thuần

VND 90 tỷ
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế

VND 1.111 tỷ
Tổng tài sản

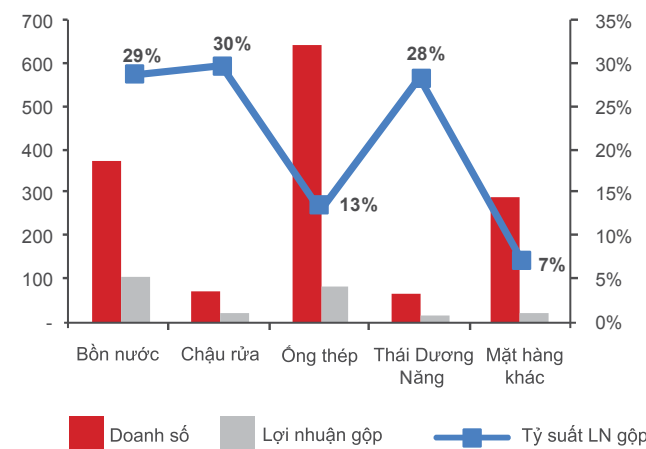
Ông Lê Vinh Sơn
Chủ tịch HĐQT

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đạt được kết quả lợi nhuận vượt kế hoạch trong năm 2010. Tốc độ tăng trưởng doanh thu 36% và lợi nhuận sau thuế 94% so với năm 2009 là kết quả ấn tượng năm 2010 của Sơn Hà. Tốc độ tăng trưởng 24% trong vòng 5 năm qua tiếp tục khẳng định chiến lược tiên phong Sơn Hà trên các lĩnh vực sản phẩm kim khí phục vụ nhu cầu của đại đa số các hộ gia đình và các công trình xây dựng tại Việt Nam cũng như xuất khẩu sản phẩm ống thép không gỉ ra các thị trường nước ngoài.

Tiếp tục tăng trưởng

Doanh thu của Sơn Hà năm 2010 tăng trưởng 36% so với 2009 và tăng 21% so với kế hoạch.

Các mặt hàng chủ đạo bao gồm Ống thép, Bồn nước, Chậu rửa và Thái Dương Năng đều tăng trưởng hai con số. Sơn Hà sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược tăng trưởng và chiếm thị phần trong nhiều năm nữa trước tiềm năng cao của thị trường còn bỏ ngỏ ở nhiều phân khúc khác nhau tại Việt Nam cũng như đẩy mạnh xuất khẩu ống thép ra các thị trường Châu Âu.



Riêng các mặt hàng gia công và phân phối đơn thuần sẽ duy trì ở tốc độ vừa phải do lợi nhuận biên của các mặt hàng này không cao.

Nâng cao hiệu quả kinh doanh

Tỷ suất lợi nhuận hoạt động năm 2010 hợp nhất đạt 6,3% và có sức cải thiện ấn tượng 2% so với năm 2009.

Đây là kết quả ấn tượng nhất về tài chính năm nay trước sức ép của sự gia tăng giá thép không gỉ - vốn chiếm gần 90% giá thành sản phẩm thép của Sơn Hà trên thị trường thế giới tăng 26% lên 3.670 USD/tấn vào tháng 12/2010 cũng như chính sách điều chỉnh tỷ giá USD/VND của Việt Nam. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện quyết liệt các biện pháp điều chỉnh giá bán, chuyển dịch nguồn nguyên liệu theo hướng nguồn sản xuất trong nước trong khi vẫn đảm bảo chất lượng, cân đối nguồn ngoại tệ từ xuất khẩu với nguồn chi trả nguyên liệu, quản lý vốn lưu động, v.v. nhằm giảm thiểu những tác động này.

Tất cả các mặt hàng chủ đạo đều có tỷ suất lợi nhuận biên đạt hai con số. Cao nhất là Chậu rửa (30%), kế đến là Bồn nước (29%) và Thái Dương Năng (28%).

Kiểm soát chi phí tài chính

Sơn Hà có cơ cấu vốn vững vàng tạo tiền đề cho phát triển với hệ số vốn vay/ vốn chủ sở hữu là 1.25 lần.

Hệ số vốn vay/vốn chủ sở hữu đã giảm từ 2.4 về 1.25 vào cuối năm 2010 nhờ phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu thu về 163 tỷ đồng. Hoạt động này cùng với hoạt động phát hành trái phiếu thu về 100 tỷ đồng ở mức lãi suất cố định 16%/năm giúp giảm áp lực chi phí tài chính trước thực tế là mặt bằng lãi suất chưa có dấu hiệu giảm cũng như gói cho vay theo chính sách kích thích kinh tế của Chính phủ không còn vào năm 2010. Kết quả là hệ số chi trả lãi vay (Lãi trước thuế/Chi phí lãi vay) đã được cải thiện đáng kể lên 1.8 lần.

Tổng quan về Sơn Hà

Chiến lược kinh doanh

Chiến lược của Sơn Hà trong năm 2011:

- Tiếp tục tăng trưởng tối đa, giữ vững vị trí là công ty số 1 trong lĩnh vực sản xuất thép không gỉ tại Việt Nam với các sản phẩm chủ lực gồm Bồn nước, Chậu rửa, Ống thép không gỉ, Thái Dương Năng.
- Mở rộng và gia tăng thị phần đối với ngành hàng gia dụng như bồn nước, chậu rửa, Thái Dương Năng.
- Mở rộng thị trường mới như Mỹ La tinh, Trung Đông ngoài các thị trường truyền thống là Mỹ và châu Âu cho ngành hàng công nghiệp.
- Tập trung vào hiệu quả và cắt giảm nếu xét thấy hiệu quả thấp đối với các dịch vụ khác như thương mại, gia công.

Để chuẩn bị cho tương lai, Sơn Hà tin tưởng vào các dự án mở rộng phát triển sang lĩnh vực mới bao gồm xử lý rác thải, bất động sản và tham gia thị trường bán lẻ cũng như đẩy mạnh tìm kiếm thị trường mới (xuất khẩu sang một số nước Mỹ la tinh, Trung đông và các nước khác trong khu vực).

Kế hoạch tài chính 2011

Tiếp tục mục tiêu tăng trưởng và thị phần năm 2011.

Trên cơ sở nền tảng vững chắc hiện tại, Hội đồng Quản trị đề xuất đến cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2011 với doanh thu 1.800 tỷ đồng, lợi nhuận cho cổ đông công ty mẹ 70 tỷ đồng và cổ tức 1.500 đồng/cổ phiếu.

Chiến lược thị trường vốn

Tiếp tục phát huy vai trò của thị trường vốn trong chiến lược phát triển của Sơn Hà.

Việc đại chúng hóa và niêm yết cổ phiếu SHI đã đem lại kết quả vô cùng lớn trong kế hoạch vốn cho phát triển của Sơn Hà cũng như chủ động hơn về nguồn vốn trước áp lực lãi vay tăng cao. Mặc dù thị trường chứng khoán hiện âm ảm và cổ phiếu SHI còn được định giá khá thấp so với mặt bằng của thị trường và ngành, chúng tôi tin tưởng rằng tiềm năng phát triển của Sơn Hà sẽ được hiện thực hóa trong các năm tiếp theo, làm nền cho thương hiệu tăng trưởng của cổ phiếu SHI.

Công tác quan hệ cổ đông

Nỗ lực tối đa hóa lợi nhuận cổ đông và cam kết minh bạch thông tin về Sơn Hà cũng như đẩy mạnh các hoạt động truyền thông cổ phiếu SHI.

Hội Đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Sơn Hà cam kết thực hiện cung cấp thông tin tốt hơn và minh bạch hóa hoạt động của công ty để hướng đến mục tiêu cổ phiếu SHI được phản ánh gần với giá trị thực cũng như cải thiện thanh khoản cổ phiếu, từ đó tạo tiền đề cho công tác huy động vốn qua thị trường chứng khoán. Các hoạt động về truyền thông cổ phiếu SHI sẽ được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bình đẳng thông tin, thường xuyên hơn cho cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư.

Thay mặt công ty, cho tôi gửi lời cảm ơn đến tất cả các khách hàng, đối tác, nhà cung cấp về sự giúp đỡ nhiệt tình và chân thành đến Sơn Hà trong vòng 12 năm qua.

Cảm ơn tất cả cán bộ công nhân viên Sơn Hà đã cống hiến hết mình và nỗ lực vượt qua khó khăn và hoàn thành kế hoạch năm 2010. Và đặc biệt gửi lời cảm ơn đến các cổ đông của công ty đã đóng góp và đưa ra định hướng chiến lược cho công ty cũng như quyết định các vấn đề trọng yếu cho sự phát triển của Sơn Hà.

Việc chuyển giao vai trò và chức danh Tổng Giám đốc cho anh Lê Hoàng Hà nhằm thể hiện cam kết của công ty trước các cổ đông về tách bạch vai trò và trách nhiệm trong quản trị và điều hành công ty. Tôi tin tưởng rằng anh Hà và các cộng sự của mình sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hướng đến tối đa hóa giá trị tạo ra cho cổ đông của Công ty.

Trân trọng,



LÊ VINH SƠN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sơn Hà là nhà sản xuất các sản phẩm thép không gỉ hàng đầu tại Việt Nam. Các sản phẩm mang thương hiệu Sơn Hà đã khẳng định được chỗ đứng vững chắc của mình trong trái tim mỗi người tiêu dùng Việt Nam và là một bạn hàng tin cậy của nhiều đối tác quốc tế.

Lĩnh vực kinh doanh

NHÓM SẢN PHẨM THÉP KHÔNG GỈ



Sản phẩm

Sản phẩm cơ kim khí: bao gồm ba nhóm ngành hàng chính: Bồn nước thuộc phân khúc trung và cao cấp, chiếm 35% thị phần; Ống thép công nghiệp chiếm 85% thị phần, ống thép trang trí chiếm 30% thị phần, trong đó 70% sản lượng ống thép của Sơn Hà dành cho xuất khẩu, 30% phục vụ thị trường nội địa; Chậu rửa thuộc phân khúc trung và cao cấp chiếm 40% thị phần.

Sản phẩm Thái Dương Năng: là sản phẩm thiết bị đun nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời có tiềm năng phát triển vô cùng lớn do tính thân thiện với môi trường và nằm trong chương trình tiết kiệm năng lượng quốc gia. Hiện Thái Dương Năng có thị phần lớn nhất Việt Nam.

XỬ LÝ RÁC THẢI



Nhà máy xử lý rác thải đô thị: Hợp tác với INSUN ENT, Hàn Quốc nhằm mục tiêu xây dựng nhà máy xử lý rác thải gồm 3 giai đoạn, giai đoạn một gồm hoạt động xây dựng bãi thiêu hủy rác thải và chôn lấp rác thải trên diện tích 20ha tại khu vực lân cận Hà Nội. Giai đoạn hai dự án xây dựng khu xử lý và tái chế rác thải trên diện tích 100ha tại Quảng Ninh. Giai đoạn ba, phát triển các trung tâm xử lý rác thải hiện đại trên phạm vi cả nước.

ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN



Dự án Khu đô thị Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội: Có tổng diện tích: 47ha, vốn đầu tư giai đoạn một là 1.600 tỷ đồng, trong đó Sơn Hà đại diện góp 30%. Dự án xây dựng khu nhà ở đô thị, được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, với tiêu chuẩn đất đai đô thị cao cấp.



Dự án Paradise Garden, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng: Có tổng diện tích: 31.6ha, gồm các khu nhà ở, biệt thự kết hợp dịch vụ du lịch cao cấp, đồng bộ, hiện đại. Tổng đầu tư dự án là 434 tỷ đồng. Sơn Hà góp 25%.

Tầm nhìn và sứ mệnh

Sơn Hà nhập khẩu thép không gỉ dạng cuộn, sau đó cán hoặc cắt để làm nguyên liệu đầu vào sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ như Bồn nước Inox, Chậu rửa Inox, Ống thép Inox thép cuộn cán nguội. Các sản phẩm này được bán cho người sử dụng cuối cùng hoặc bán cho các doanh nghiệp sử dụng các sản phẩm này phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Sản phẩm của Công ty được phân phối trên phạm vi toàn quốc thông qua hơn 500 nhà phân phối và hơn 5000 nhà đại lý, hoặc xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

Sứ mệnh công ty

Trở thành một doanh nghiệp hoạt động đa ngành, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, phù hợp nhất tới khách hàng trong và ngoài nước.

Tầm nhìn

Trở thành tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

Cam kết

Đối với khách hàng: Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất đến khách hàng.

Đối với cổ đông: Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.

Đối với cán bộ nhân viên: Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.

Đối với cộng đồng và xã hội: Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội, góp phần làm hưng thịnh quốc gia.



Chiến lược Kinh doanh

Chiến lược của Sơn Hà là tập trung vào tăng trưởng các sản phẩm có doanh thu và biên lợi nhuận cao như Ống thép không gỉ, Bồn nước. Để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, Sơn Hà mở rộng sang các lĩnh vực khác như bất động sản, bán lẻ, xử lý rác.



Công ty đặt kế hoạch cho năm tài chính 2011 với doanh thu 1.800 tỷ đồng, lợi nhuận 70 tỷ đồng, cổ tức 1.500 đồng/cổ phiếu.

Ban lãnh đạo Sơn Hà sẽ tiếp tục thực hiện các điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiếp tục khai thác các sản phẩm có doanh thu và biên lợi nhuận cao như Ống thép không gỉ, Bồn nước. Đồng thời, để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, Sơn Hà quyết định đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, mở rộng sang các lĩnh vực khác như bất động sản, bán lẻ, xử lý rác thải, với các mục tiêu cụ thể:

Chiến lược ngành hàng:

- Tiếp tục tăng trưởng tối đa, giữ vững vị trí là công ty số 1 trong lĩnh vực sản xuất thép không gỉ tại Việt Nam với các sản phẩm chủ lực gồm bồn nước, chậu rửa, ống thép không gỉ, Thái Dương Năng.
- Chuẩn bị cho tương lai, mở rộng phát triển các lĩnh vực mới: xử lý rác thải, bất động sản, bán lẻ, tìm kiếm thị trường mới (xuất khẩu sang một số nước Mỹ la tinh, Trung đông và các nước khác trong khu vực).
- Đối với ngành hàng gia dụng như bồn nước, chậu rửa, Thái Dương Năng: mở rộng và gia tăng thị phần.
- Đối với ngành hàng công nghiệp, mở rộng thị trường mới như Mỹ La tinh, Trung Đông ngoài các thị trường truyền thống là Mỹ và châu Âu.
- Đối với các dịch vụ khác như thương mại, gia công: tập trung vào hiệu quả và giảm nếu xét thấy hiệu quả thấp.



Kiểm soát chi phí:

- Nâng tỷ trọng nguyên liệu mua trong nước, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu nhằm cân bằng nhu cầu tiến tới thu ròng ngoại tệ.
- Đối với đầu tư máy móc thiết bị: đầu tư những thiết bị hiện đại, tiêu thụ ít điện năng, đánh giá các thiết bị hiện tại, có kế hoạch tiết giảm và thanh lý những thiết bị cũ tiêu hao nhiều điện năng.

Dự án mới:

- Đối với các dự án bất động sản: triển khai nhanh những dự án đã có đầy đủ điều kiện về mặt pháp lý để thu hồi vốn và tăng thu nhập ngay trong năm 2011.
- Đối với các khoản đầu tư tài chính: giảm dần và rút hết các khoản đầu tư tài chính, hạn chế đầu tư vào các tài sản rủi ro cao.
- Đầu tư một cách thận trọng, phù hợp với năng lực hiện tại đối với những dự án, ngành nghề mới.
- Tăng cường năng lực tài chính thông qua nâng cao vốn chủ sở hữu, giảm dần nợ vay.



Tầm nhìn 2018

Tầm nhìn của Sơn Hà năm 2018 là công ty tiếp tục duy trì vị trí hàng đầu trong ngành sản xuất các sản phẩm gia dụng và công nghiệp từ thép không gỉ, tạo nền tảng vững chắc cho các ngành nghề mới phục vụ nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thể hiện trình độ văn minh đô thị đó là xử lý rác thải và hệ thống siêu thị hiện đại.

Để hiện thực hóa được tầm nhìn này, Sơn Hà đưa ra bốn giá trị cốt lõi:

- Chính trực: Sơn Hà đề cao vấn đề đạo đức kinh doanh và cam kết mang lại sản phẩm với chất lượng tốt nhất
- Quan tâm: Chúng tôi tin rằng, sự quan tâm chia sẻ giữa các nhân viên sẽ là yếu tố quan trọng giúp hình thành nên sự quan tâm của nhân viên tới khách hàng
- Đoàn kết: Tập thể SHI vững mạnh hôm nay được xây dựng từ nền tảng của sự đoàn kết của các nhân viên trong công ty.
- Tôn trọng: Sơn Hà luôn lắng nghe ý kiến của nhân viên, đối tác, khách hàng

Điều đó cho thấy Sơn Hà đã chọn **chất lượng, lợi nhuận và tăng trưởng** là ba tiêu chí quan trọng nhất cho thành công trong kinh doanh.

Thương hiệu mạnh

Thương hiệu của Sơn Hà đã đi sâu vào lòng người tiêu dùng Việt Nam. Sơn Hà đã để lại dấu ấn tốt đẹp trên thị trường và người tiêu dùng. Những thành quả đạt được đã tạo cho Công ty tên tuổi và vị thế trên thương trường.



Hiện nay, thương hiệu SONHA là một trong những thương hiệu mạnh của Việt Nam. Thành công của thương hiệu Sơn Hà được thể hiện qua mức tăng trưởng doanh thu liên tục qua các năm, qua khả năng chi phối thị trường, và thị phần dẫn đầu của tất cả các dòng sản phẩm trong nhiều năm qua. Thương hiệu và logo của Công ty cũng như các sản phẩm của Công ty đã được đăng ký bản quyền:



SONHA
Thái Dương Năng

- **Sơn Hà:** Bồn chứa nước Inox, chậu rửa Inox, ống thép không gỉ
- **Masuno:** Bồn chứa nước Inox, ống thép không gỉ
- **Thái Dương Năng:** Thiết bị đun nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời

Giải thưởng danh giá

Với những thành tựu nổi bật trong sản xuất kinh doanh ngành thép không gỉ Sơn Hà vinh dự nhận được nhiều giải thưởng danh giá.



Sơn Hà tiếp tục lần thứ 3 đứng trong Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam. Ngoài ra, thương hiệu Sơn Hà đã đạt giải Sao Vàng đất Việt trong các năm 2003, 2005, 2007, 2008 và 2010; được bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao nhiều năm liền từ 2002 đến 2008; nhãn hiệu nổi tiếng Quốc gia 2007, 2008; top 100 thương hiệu mạnh Việt Nam do VCCI và Ac Nelsen khảo sát



Sơn Hà đã vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba.



Giải thưởng SAO VÀNG ĐẤT VIỆT năm 2010



Tháng 9/2010, Công ty đã lọt vào top 100 thương hiệu Việt Nam, giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, đây là lần thứ ba liên tiếp Sơn Hà nhận giải thưởng này.



Giải thưởng THƯƠNG HIỆU CHỨNG KHOÁN UY TÍN



Cúp vàng DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU VIỆT NAM NĂM 2010



Giấy chứng nhận NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG



Nhà tài trợ chính giải bóng đá quốc tế VFF



Giấy chứng nhận giải thưởng THƯƠNG HIỆU CHỨNG KHOÁN UY TÍN năm 2010

Cơ sở sản xuất hiện đại

Tại khu vực phía Bắc, Sơn Hà có hai nhà máy với diện tích gần 1ha tại Khu Công nghiệp Từ Liêm và 4,48 ha tại khu Công nghiệp Phùng, Đan Phượng với công suất lần lượt là 7.875 tấn/ năm và 14.625 tấn/năm. Khu vực miền Nam với nhà máy tại khu công nghiệp Tân Bình công suất 7.500 tấn/năm và nhà máy tại Hóc Môn mới đi vào hoạt động cuối năm 2010.



Nhà máy sản xuất tại Khu Công nghiệp Từ Liêm, Xã Minh Khai, Huyện Từ Liêm, Hà Nội. Nhà máy sản xuất 1 có diện tích gần 1ha tại Khu công nghiệp Từ Liêm chuyên sản xuất, lắp ráp bồn Inox và bồn nhựa.

Nhà máy sản xuất 2 có diện tích 4,48ha tại khu Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội. Đây là địa điểm sản xuất chính của Công ty, tập trung những máy móc hiện đại và là nơi thực hiện những công đoạn quan trọng nhất trong quá trình sản xuất sản phẩm. Nhà máy vừa sản xuất ra sản phẩm hoàn thiện như thép cán nguội, ống thép Inox, chậu rửa và thiết bị nhà bếp, ngoài ra còn sản xuất các chi tiết của sản phẩm (bán thành phẩm) để cung cấp cho các địa điểm sản xuất khác.



Nhà máy tại Thành phố Hồ Chí Minh của công ty thành viên do Sơn Hà nắm cổ phần chi phối:

Nhà máy 1: Tại khu Công nghiệp Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh là mô hình thu nhỏ của Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng chủ đạo của Công ty như bồn chứa nước các loại, chậu rửa và ống thép Inox. Nhà máy có diện tích 0,5ha chuyên lắp ráp bồn chứa nước Inox và sản xuất bồn chứa nước nhựa.

Nhà máy 2: Tại Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 42 tỷ đồng trên diện tích 0,7 ha. Nhà máy tập trung sản xuất Bồn nước, thiết bị đun nóng năng lượng mặt trời và chậu rửa.

Nhà máy
6,5 ha

Đầu tư mới 2011-2015
2.500 tỷ đồng

Nhà máy sản xuất Phùng



Nhà máy sản xuất ống thép Inox, chậu rửa và thiết bị nhà bếp tại Khu Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội. Nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ tháng 6/2008, với công suất 14.625 tấn/năm, bao gồm hơn 80 dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất trên diện tích 4,48ha. Tổng số cán bộ công nhân viên tại nhà máy là 300. Đây là địa điểm sản xuất chính của Công ty, tập trung những máy móc hiện đại và là nơi thực hiện những công đoạn quan trọng nhất trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Đầu tư mở rộng sản xuất

Trong năm 2010, Công ty đang thực hiện đầu tư thêm Nhà máy sản xuất bồn nước tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời với việc đầu tư thêm dây chuyền cán nguội và dây chuyền sản xuất ống công nghiệp tại Hà Nội, nhằm nâng công suất sản xuất ống thép công nghiệp và tăng biên lợi nhuận cho sản phẩm này. Dự án mở rộng nhà máy tại Hà Nội được thực hiện tại Nhà máy 2, Khu Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội. Thời gian thực hiện khoảng ba tháng, kể từ tháng 7/2010. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 195 tỷ đồng.



Dự án thứ hai được thực hiện tại Xã thời Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp Hồ Chí Minh, được phê duyệt trên tổng diện tích 0,7ha. Vốn đầu tư khoảng 42 tỷ đồng



Công nghệ tiên tiến

Công nghệ sản xuất của Sơn Hà theo tiêu chuẩn công nghệ tiên tiến nhất của Nhật Bản, Đài Loan và Trung Quốc. Sản phẩm của tập đoàn đảm bảo các yêu cầu chất lượng Quốc tế như ISO 9001:2000, ASTM 312, JIS 03459, PED.



Phương châm của Sơn Hà là tối đa hóa việc sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến trong quá trình sản xuất các sản phẩm của tập đoàn. Với các dây chuyền sản xuất tiên tiến khép kín, sản phẩm của Sơn Hà được sản xuất theo một quy trình hiện đại có sự giám sát và kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt.

Sản phẩm ống thép không gỉ: Sơn Hà sử dụng các thiết bị như lò ủ cao tần trực tuyến, máy hàn ống tự động, máy xẻ băng. Trong đó, công nghệ hàn đa kim được coi là công nghệ sản xuất ống thép không gỉ có đường hàn tiên tiến nhất hiện nay được Sơn Hà sử dụng. Công suất lò ủ 18.000 tấn/năm. Ngoài ra, các thiết bị kiểm tra chất lượng như máy thử đường hàn, máy thử áp lực, máy đo độ tròn, vuông... đảm bảo các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng của Mỹ và Nhật Bản như ASTM 312, JIS 03459.



Sản phẩm bồn nước Inox, chịu rửa và Thái Dương Năng: Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ của Nhật Bản với hệ thống Quản lý Chất lượng đạt tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2000 với công suất 780.000 bộ/năm. Sơn Hà sử dụng INOX SUS 304 làm nguyên liệu sản xuất, đảm bảo độ bền và độ cứng của sản phẩm.

Có thể nói, sự khác biệt của Sơn Hà so với các doanh nghiệp khác là việc xây dựng quy trình sản xuất, quản lý chất lượng tốt, giúp giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nâng cao năng suất đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định. Để làm chủ công nghệ và phát huy tối đa hiệu suất sử dụng máy móc, Sơn Hà sử dụng các chuyên gia người Đài Loan tư vấn và đội ngũ cán bộ kỹ thuật cao được đào tạo bài bản và nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra, các quy trình sản xuất của Sơn Hà luôn được cải tiến, tìm kiếm các công nghệ sản xuất mới để đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở chất lượng sản phẩm và chi phí hợp lý.

Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính của hoạt động sản xuất của Sơn Hà là thép không gỉ, 100% nhập khẩu từ các nước Đài Loan, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản. Một số nhà cung cấp lớn của Sơn Hà gồm Yieh United Steel Corporation (Đài Loan), Posco Việt Nam, Jindal (Ấn Độ), Nanning Gaoli (Trung Quốc). Công ty xác định sự cần thiết phải xây dựng quan hệ chiến lược lâu dài với các nhà cung cấp đáng tin cậy.

Ngoài việc tiếp cận nguồn cung ứng nguyên liệu từ các nhà máy sản xuất lớn, có uy tín, công ty cũng tham gia thị trường giao dịch thép không gỉ của thế giới, chủ động lựa chọn thời điểm và mức giá thích hợp để mua, bán nguyên vật liệu khi diễn biến thị trường thuận lợi. Dưới đây là danh sách một số nhà cung cấp nước ngoài của Sơn Hà.

posco



Con người Sơn Hà

Sơn Hà đầu tư vào đội ngũ nhân sự với mục tiêu giúp cán bộ công nhân viên tại tất cả các vị trí có thể phát triển được khả năng và thể mạnh của họ. Chính sách đào tạo đội ngũ nhân sự của Sơn Hà được xây dựng trên cơ sở đảm bảo quyền lợi cho người lao động, nâng cao năng suất lao động và gắn kết người lao động với doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động.



Chúng tôi hiện có 825 công nhân viên, tăng 22% so với năm 2009, đang làm việc tại các nhà máy, văn phòng và các đầu mối của Sơn Hà. Tại Sơn Hà, chúng tôi chia sẻ sự khác biệt về văn hóa vùng miền và kinh nghiệm trên các thị trường trong nước và quốc tế. Trong những năm qua, Sơn Hà đã xây dựng nên một văn hóa doanh nghiệp: 'văn hóa Sơn Hà' dựa trên nền tảng của đội ngũ cán bộ công nhân viên đang ngày ngày làm việc say mê, cống hiến và sáng tạo tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với con người và môi trường.

Chính sách nhân sự của Sơn Hà trên cơ sở đảm bảo quyền lợi cho người lao động, tạo điều kiện cho người lao động phát huy được khả năng và thể mạnh tại các vị trí nắm giữ.



Sơn Hà xây dựng các chế độ lương thưởng cạnh tranh, thưởng theo doanh thu, theo sản lượng và các chế độ phúc lợi như chế độ bảo hiểm, nghỉ mát, quà tặng vào những dịp lễ, tết. Về dài hạn, chúng tôi xây dựng chính sách về tuyển dụng gồm các hoạt động như tuyển dụng công khai, bố trí đúng người đúng việc, chính sách thăng tiến, đào tạo. Các nhân viên mới sẽ được tham gia chương trình đào tạo hội nhập, đào tạo nâng cao về nghiệp vụ, kỹ năng lãnh đạo. Các nhân viên có kết quả làm việc xuất sắc sẽ được đưa vào diện Quy hoạch để đào tạo, đề bạt vào các chức vụ quản lý.

Nhân viên
825

Tăng lương
20%

Sơn Hà duy trì tiêu chuẩn an toàn lao động cao độ



Sự kiện nổi bật trong năm 2010



1 Tách bạch vai trò Chủ tịch và Tổng Giám đốc: Tháng 6 năm 2010, ông Lê Hoàng Hà chính thức được chỉ định trở thành tân Tổng Giám đốc của Sơn Hà nằm trong kế hoạch nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp qua việc tách bạch vai trò và trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc với vai trò hoạt động chiến lược của Chủ tịch HĐQT công ty.

2 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt: Tháng 9 năm 2010, Sơn Hà được trao giải thưởng Sao Vàng Đất Việt. Đây là giải thưởng uy tín và được mong đợi nhiều nhất trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nhằm tôn vinh 200 thương hiệu tiêu biểu hàng đầu. Hoạt động thường niên này tiếp tục khẳng định thương hiệu Sơn Hà trong cộng đồng người dân Việt Nam.

3 Sơn Hà – Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập lớn nhất năm 2010: Sơn Hà xếp hạng 570 trong tổng số 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trong Bảng xếp hạng V1000 – Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam được công bố ngày 22/10/2010.

4 Phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu ra thị trường: Thu về 163 tỷ đồng và vượt xa dự kiến ban đầu trong bối cảnh thị trường chứng khoán âm ảm. Nguồn vốn đang được sử dụng hiệu quả trong việc triển khai các dự án nâng cao năng lực sản xuất và hiện đại hóa công nghệ của Sơn Hà.



5 Thỏa thuận hợp tác với EVN: Qua "Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác thực hiện chương trình sử dụng bình nước nóng bằng năng lượng mặt trời năm 2010 - 2011" ngày 28/01/2010 nhằm đưa sản phẩm Thái Dương Năng gắn liền với các hoạt động tiết kiệm năng lượng qua sự trợ giúp của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN), Bộ Công Thương.

6 Thỏa thuận hợp tác với INSUN ENT: Ngày 15/11/2010 Tập đoàn Sơn Hà đã ký kết văn bản hợp tác với Công ty INSUN ENT (Hàn Quốc), về việc cùng nhau triển khai dự án xử lý rác thải tổng hợp tại Việt Nam. INSUN ENT là một doanh nghiệp chuyên môn trong lĩnh vực hệ thống hóa xử lý rác thải tại Hàn Quốc.



7 Tham gia dự án Paradise Garden, Đà Lạt, Lâm Đồng: Sơn Hà chính thức tham gia liên doanh phát triển dự án Paradise Garden cùng với Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) và CTCP Đầu tư Phát triển Hợp Phú. Liên doanh đã thành lập Quỹ xúc tiến đầu tư và cử Tập đoàn HUD làm đại diện làm việc với các bên liên quan để được cấp phép đầu tư và triển khai dự án.

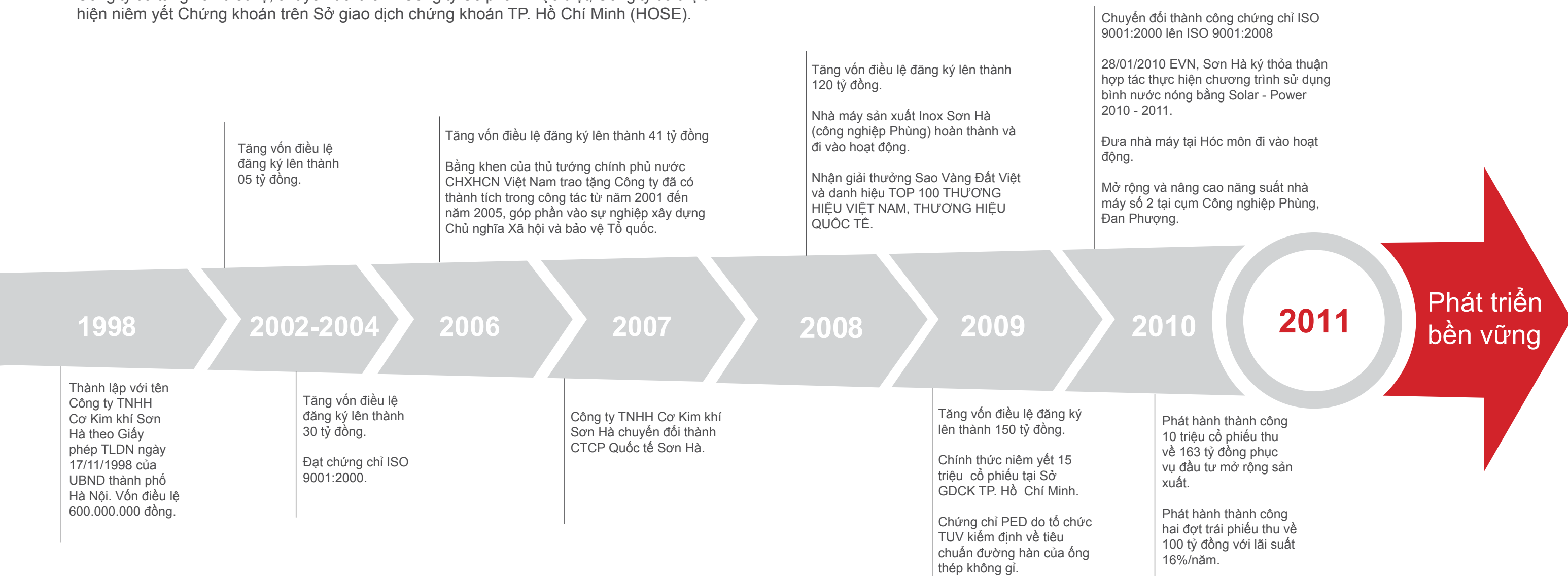
8 VFF Sơn Hà Cup: Sơn Hà có vinh dự trở thành nhà tài trợ chính của giải bóng đá quốc tế VFF - SONHA Cup trong thời gian từ 2010 đến 2012. Sơn Hà muốn chung tay cùng Liên đoàn Bóng đá Việt Nam phát triển nền đá bóng Việt Nam và qua đó củng cố thương hiệu Sơn Hà trong lòng người dân Việt Nam.

9 Giải thưởng "Thương hiệu Chứng khoán uy tín 2010": Ngày 12/9/2010 tại khách sạn Melia Hà Nội, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (mã chứng khoán SHI) đã vinh dự nhận giải thưởng "Thương hiệu Chứng khoán Uy tín 2010". Đây là giải thưởng thường niên do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), Tạp chí Chứng khoán Việt Nam thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Thông tin Tín dụng Ngân hàng Nhà nước tổ chức.

10 Vinh dự đón Đoàn đại biểu Đối ngoại Nhân dân Trung Quốc đến thăm Sơn Hà: Trong chương trình hoạt động Năm hữu nghị Việt Trung 2010. Đoàn đến thăm Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ngày 11/12/2010 và cuộc giao lưu đã mở ra các cơ hội trao đổi và kinh doanh giữa Sơn Hà và một số doanh nghiệp Trung Quốc.

Sơn Hà liên tục phát triển

Trải qua hơn 12 năm hoạt động, để phù hợp với tầm vóc và quy mô ngày càng phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ, chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Đặc biệt, Công ty đã thực hiện niêm yết Chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).



Sản phẩm Bồn nước Inox

Sản phẩm bồn nước Inox bao gồm hai dòng sản phẩm chính là bồn đứng và bồn ngang phục vụ nhu cầu chứa nước sinh hoạt hộ gia đình và các công trình xây dựng. Năm 2010, tổng doanh số ngành hàng bồn nước đạt 376 tỷ đồng và chiếm 26% doanh thu (2009: 28%) và đóng góp 42% (2009: 44,8%) vào lợi nhuận gộp của toàn tập đoàn.

Sản phẩm bồn nước

Sơn Hà hiện cung cấp hai dòng sản phẩm bồn nước Inox: bồn đứng và bồn ngang với dung tích từ 500 đến 30.000 lít. Sản phẩm gọn nhẹ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, rất phù hợp với nhu cầu chứa nước sinh hoạt của mỗi gia đình và các công trình xây dựng lớn. Trong đó, sản phẩm bồn nước dung tích 1.000 lít và 1.500 lít là chủng loại được tiêu thụ mạnh nhất, chiếm hơn 80% sản lượng tiêu thụ năm 2010.

Bồn chứa nước Inox của Sơn Hà hiện được sản xuất bằng vật liệu SUS 304, trên dây chuyền công nghệ của Nhật Bản và hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, giúp sản phẩm có độ cứng vững và độ bền rất cao.

Xu hướng tiêu dùng

Nhu cầu sử dụng bồn nước không gì sẽ vẫn là xu hướng chủ đạo trong việc đáp ứng nhu cầu chứa nước sinh hoạt thay vì bể xây, bình nhựa lớn và các sản phẩm chứa nước trong gia đình do tính hữu dụng và tiện ích của dòng sản phẩm này.

Thị phần

Sơn Hà là doanh nghiệp dẫn đầu ngành về sản lượng bán hàng năm, chiếm khoảng 35% thị phần. Sản phẩm của Sơn Hà có ưu thế cạnh tranh ở khu vực Miền Bắc với 02 nhà máy sản xuất chính, nắm giữ khoảng 65% thị phần tại khu vực này.

Tiềm năng Thị trường

Hiện tại sản phẩm bồn nước Inox mới được phủ rộng ở các thành phố lớn và đô thị. Khoảng 65% các hộ gia đình tại thành phố và khoảng 20% các hộ gia đình tại các thị trấn, thị xã hiện đang sử dụng các sản phẩm bồn nước Inox của Sơn Hà và các nhà cung cấp khác. Cùng với sự mở rộng các khu đô thị mới tại thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Tp.Hồ Chí Minh và quá trình đô thị hóa nông thôn, thị trường sản phẩm bồn nước được đánh giá sẽ vẫn tăng trưởng mạnh trong nhiều năm tới.

Kết quả kinh doanh

Ngành hàng bồn nước tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh đạt 376 tỷ đồng và tăng trưởng 33% so với 2009. Tuy nhiên ngành hàng này đóng góp tới 42% tổng lợi nhuận gộp của tập đoàn do có tỷ suất lợi nhuận duy trì được ở mức cao 29%.

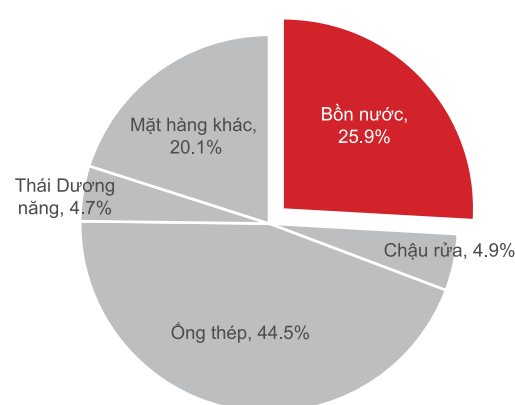
Mục tiêu

Trong năm 2011, Công ty sẽ tập trung tăng cường tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nông thôn, nơi đời sống người dân đang ngày càng được cải thiện. Dự kiến mức tăng trưởng khoảng 25 – 30% năm.

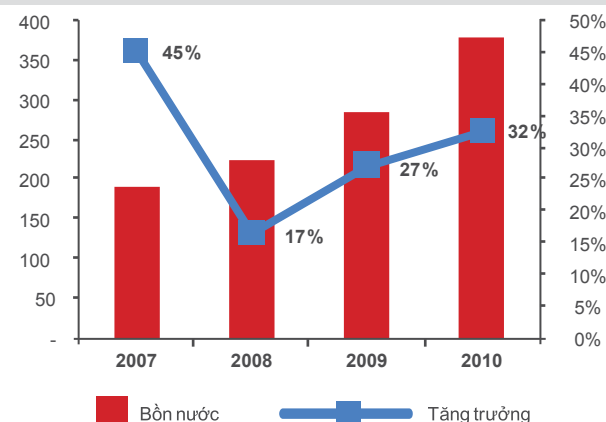


SƠN HÀ
Bảo vệ nguồn nước sạch
cho gia đình bạn

Bồn nước Inox trong tổng doanh số 2010



Doanh thu bồn nước Inox 2007-2010



Sản phẩm Ống thép không gỉ

Sản phẩm ống thép không gỉ là sản phẩm chiến lược và chủ đạo của Sơn Hà. Công suất sản xuất sản phẩm này hiện chưa đáp ứng đủ đơn hàng của khách hàng. Hiện Sơn Hà đứng đầu về sản lượng xuất khẩu ngành hàng này trong số các doanh nghiệp sản xuất thép không gỉ tại Việt Nam.

Sản phẩm ống thép không gỉ

Sản phẩm ống thép không gỉ của Sơn Hà bao gồm ống thép, ống Inox (phục vụ trang trí phục vụ nội địa và công nghiệp) và thép cán nguội. Sản phẩm ống thép được sản xuất trên công nghệ tiên tiến hiện đại với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 và tiêu chuẩn PED - EU. Tiêu chuẩn PED - EU là một trong số các tiêu chuẩn quan trọng để đảm bảo cho sản phẩm này ra thị trường đặc biệt khó tính như Châu Âu và Mỹ.

Tiềm năng thị trường

Đây là thị trường đầy tiềm năng với nhu cầu sản phẩm này trong nước và thế giới là rất lớn. Năm 2010, năm đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc về sản lượng thép không gỉ toàn thế giới với mức tăng trưởng 25% sau ba năm giảm liên tiếp. Tổng số thép không gỉ/đầu người tại Việt Nam vào khoảng 3 kg, trong khi đó tại các nước phát triển con số này khoảng trên 20 kg. Năm 2010 sản lượng cung cấp ra thị trường của Sơn Hà không đáp ứng được toàn bộ nhu cầu thị trường, theo nhiều đánh giá khác nhau sản lượng cung cấp thấp hơn nhu cầu thực tế khoảng 30%.

Thị phần

Sơn Hà dẫn đầu thị trường về sản lượng tiêu thụ. Với sản phẩm ống thép công nghiệp, tại Việt Nam hiện nay chỉ có ba công ty sản xuất mặt hàng này bao gồm

Sơn Hà, Hòa Bình và Hoàng Vũ. Trong đó Sơn Hà chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ với hơn 85% sản lượng sản xuất trong nước. Đối với sản phẩm ống thép trang trí, Sơn Hà nắm giữ khoảng 30% thị phần.

Hơn 70% sản lượng ống thép công nghiệp của Sơn Hà được xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Châu Âu; 30% phục vụ cho nhu cầu trong nước. Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về cung cấp sản phẩm thép không gỉ, Sơn Hà đã và đang tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất và nguồn nhân lực mạnh trong và ngoài nước.

Kết quả kinh doanh

Năm 2010, doanh số ống thép đạt 654 tỷ đồng và có mức tăng kỷ lục 73% do sự gia tăng nhu cầu mạnh mẽ tại các thị trường xuất khẩu. Ống thép đóng góp 85 tỷ đồng lợi nhuận gộp và chiếm 33% tổng lợi nhuận gộp toàn công ty. Sản lượng tiêu thụ hiện tại: 1.000 tấn thép không gỉ/tháng. Dự kiến doanh thu từ ống thép đạt 3.000 tỷ/năm vào năm 2014.

Mục tiêu

Đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường các nước ASEAN thông qua đội ngũ chuyên gia bán hàng quốc tế đến từ Đài Loan.



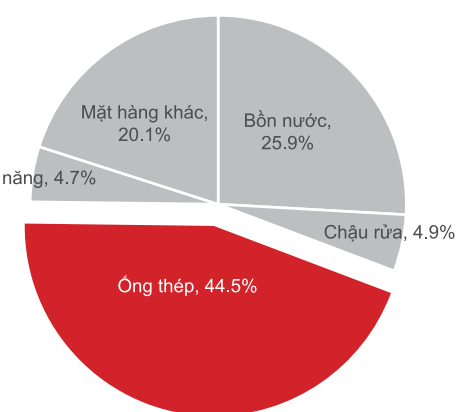
ỐNG THÉP KHÔNG GỈ



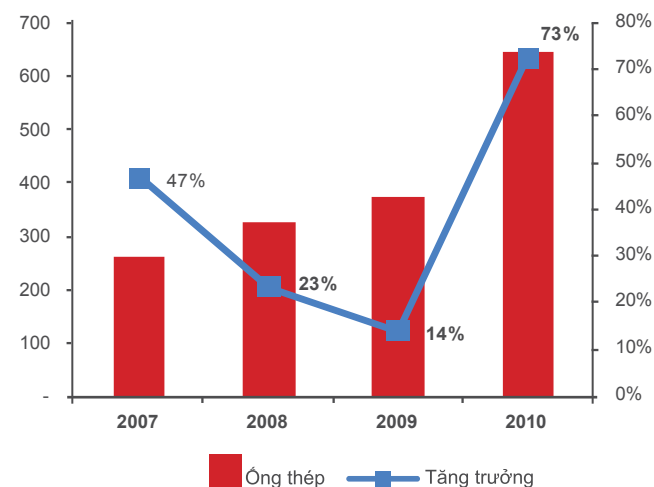
Kết cấu vững chắc cho ngôi nhà thân yêu của bạn



Ống thép không gỉ trong tổng doanh số 2010



Doanh thu ống thép không gỉ 2007-2010



Sản phẩm Chậu rửa Inox

Sản phẩm Chậu rửa Inox bao gồm hai dòng sản phẩm cao cấp và sản phẩm trung cấp phục vụ nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Năm 2010, Chậu rửa Inox đạt doanh thu 71 tỷ đồng (2009: 51.1 tỷ đồng), với mức tăng trưởng 24% (2009: 20%).

Sản phẩm Chậu rửa

Sản phẩm Chậu rửa của Sơn Hà rất đa dạng về mẫu mã, chủng loại với hơn 30 dòng sản phẩm khác nhau như Chậu rửa một ngăn, hai ngăn, chậu vuông đáp ứng nhu cầu và sở thích khác nhau của người tiêu dùng. Trong đó, sản phẩm Chậu hai ngăn có xu hướng bán chạy hơn so với Chậu rửa một ngăn. Năm 2010, Sơn Hà bán ra thị trường 183.000 sản phẩm chậu. Trong đó: 54% Chậu rửa hai ngăn, 40% Chậu rửa một ngăn, 6% Chậu ba ngăn.

Tiềm năng thị trường

Thị trường Chậu rửa được đánh giá là có nhiều tiềm năng phát triển. Xu hướng sử dụng các sản phẩm trong nước có chất lượng cao, mẫu mã được cải thiện thay cho các sản phẩm Chậu rửa Trung Quốc gia tăng trong tâm lý người tiêu dùng. Ngoài ra, Chậu rửa Inox được xem như một phần không thể thiếu trong không gian nhà bếp của mỗi gia đình Việt Nam, là vật trang trí góp phần tạo ra một không gian sang trọng, sạch sẽ và thoáng mát của nhà bếp.

Thị phần

Một trong những thành công của Sơn Hà đó là việc góp phần đẩy lùi sản phẩm Chậu rửa Trung Quốc trên thị trường. Theo thống kê của chúng tôi, sản phẩm Chậu rửa Trung Quốc trên thị trường hiện tại chiếm khoảng 10% còn lại 90% thị phần là các sản phẩm của doanh nghiệp trong nước.

Đối thủ cạnh tranh của Sơn Hà đối với loại sản phẩm này có thể kể đến như Tân Á, Đại Thành, Toàn Mỹ. Trong đó, sản phẩm Chậu rửa Inox của Sơn Hà hướng đến phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình và thấp là chủ yếu với dòng sản phẩm loại trung. Ngoài ra, Sơn Hà đang mở rộng phát triển dòng sản phẩm cao cấp. Về thị phần, chậu rửa Inox Sơn Hà chiếm khoảng 40%, riêng khu vực Miền Bắc chiếm hơn 50% do đây là thị trường truyền thống của Sơn Hà.

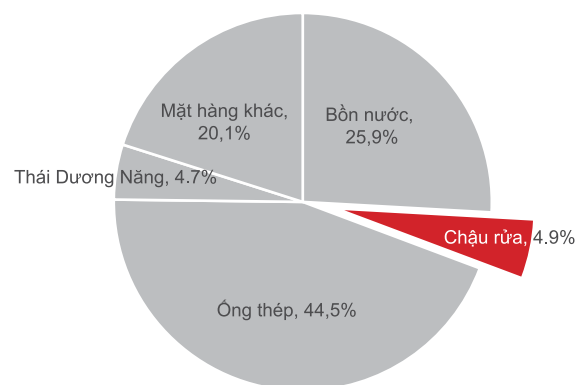
Kết quả kinh doanh

Chậu rửa đạt doanh thu 71 tỷ với mức tăng trưởng 24% so với 2009. Ngành hàng này có mức gia tăng tỷ suất lợi nhuận gộp lên 30% (2009: 28%) nhờ sự ổn định của nguyên liệu đầu vào. Mặc dù còn nhiều tiềm năng cho các thị trường tại nông thôn, Chậu rửa hiện vẫn đóng góp một tỷ trọng khiêm tốn khoảng 5% doanh số toàn công ty.

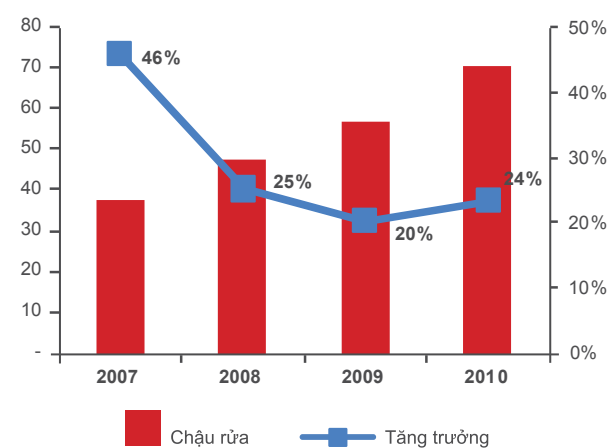
Mục tiêu

Năm 2011 Sơn Hà sẽ tiếp tục kết hợp khai thác hệ thống phân phối bồn nước Inox đang có sẵn để phân phối Chậu rửa Inox, mở rộng thị phần sản phẩm tại Miền Nam sau khi nhà máy tại Hóc Môn đi vào hoạt động.

Chậu rửa Inox trong tổng doanh số 2010



Doanh thu Chậu rửa Inox 2007-2010



CHẬU RỬA INOX

Chậu rửa Inox Sơn Hà một phần không thể thiếu trong không gian nhà bếp của bạn



SƠN HÀ
Nâng cao giá trị cuộc sống

Sản phẩm Thái Dương Năng

Thái Dương Năng đạt 69 tỷ đồng doanh số năm 2010 và 20 tỷ đồng lợi nhuận gộp. Đây là năm thứ năm Sơn Hà giới thiệu sản phẩm này ra thị trường. Tiềm năng là vô cùng lớn do tính thân thiện môi trường và Sơn Hà đang hợp tác với Bộ Công thương và EVN trong Chương trình Tiết kiệm Năng lượng Quốc gia nhằm tạo sự tăng trưởng đột phá của dòng sản phẩm này tại thị trường phía Nam.

Sản phẩm Thái Dương Năng

Chúng tôi đã nghiên cứu và phát triển sản phẩm Thái Dương Năng, sản phẩm Thái Dương Năng là một sáng tạo độc đáo dưới góc nhìn mới lạ trong chiến lược phát triển sản phẩm mới của Sơn Hà.

Xu hướng tiêu dùng

Phát triển ngành công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng là một xu hướng tất yếu của thế giới trong thế kỷ 21. Trong đó, Thái Dương Năng là một trong những giải pháp thay thế hữu hiệu nhất trong việc tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và giảm chi phí sinh hoạt gia đình được các gia đình lựa chọn ngày càng nhiều.

Thị phần

Thiết bị đun nước nóng Sơn Hà – Thái Dương Năng đứng đầu thị trường và chiếm khoảng 50% thị phần. Các đối thủ cạnh tranh khác bao gồm Sunflower của Công ty Tân Á, “Helio” của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, “Salar water heating” của Công ty TNHH Tự Động xanh. Trong đó, Thái Dương Năng của Sơn Hà đứng vị trí số 1 tại thị trường miền Bắc và số 2 tại miền Nam do mới tiếp cận thị trường Miền Nam năm 2004.

Tiềm năng thị trường

Hiện tại, thị trường sản phẩm Thái Dương Năng mới chỉ tập trung ở các thành phố lớn với số lượng còn hạn chế, trong đó khoảng 95% sản phẩm thiết bị đun nước nóng được lắp đặt ở khu vực thành thị, 5% khu vực nông thôn. Đối tượng lắp đặt và sử dụng chủ yếu là hộ gia đình chiếm khoảng 99% và 1% cho các đối tượng khác như: nhà trẻ, trường mẫu giáo, bệnh xá, khách sạn, trường học.

Với chương trình tiết kiệm năng lượng quốc gia và các hoạt động tuyên truyền tới người tiêu dùng khác, thị trường sản phẩm Thái Dương Năng sẽ có những bước phát triển đột phá trong thời gian tới

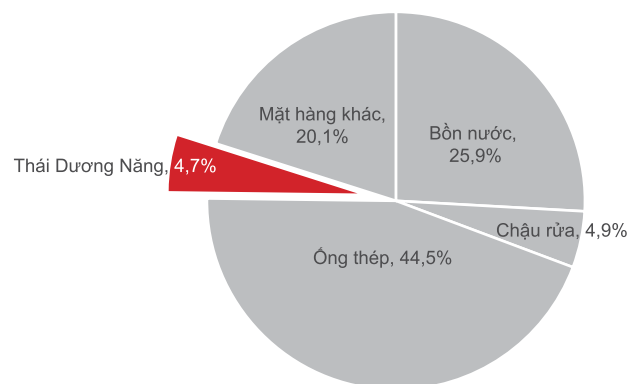
Kết quả kinh doanh

Thái Dương Năng năm 2010 đạt 69 tỷ đồng doanh số và 20 tỷ lợi nhuận gộp, tăng trưởng 70% so với cùng kỳ năm trước.

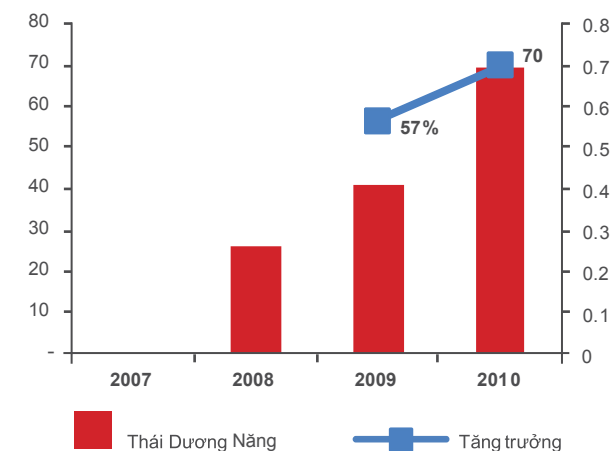
Mục tiêu

Trong năm 2011, Sơn Hà tiếp tục triển khai dự án Chương trình Tiết kiệm Năng lượng Quốc gia kết hợp giữa Bộ Công thương, EVN và Sơn Hà. Mục tiêu 2011, Sơn Hà mở rộng thị trường phía Nam.

Thái Dương Năng trong tổng doanh số 2010



Doanh thu Thái Dương Năng 2007-2010



Thái Dương Năng
Năng lượng cho cuộc sống hiện đại



NĂNG LƯỢNG
cho **CUỘC SỐNG**
HIỆN ĐẠI

Hoạt động thương mại và gia công

Năm 2010, doanh thu từ hoạt động thương mại và gia công của Sơn Hà chiếm tới 20,1% doanh thu của cả công ty. Con số chứng tỏ đường lối của Ban giám đốc là đúng đắn khi dần mở rộng sang các lĩnh vực nhiều tiềm năng dựa trên lợi thế thương mại vốn có của mình.

Gia công

Từ những thép cuộn nhập khẩu, dây chuyền cán nguội của Sơn Hà thực hiện cán, xả băng theo từng độ dày và kích thước phù hợp để phục vụ sản xuất các sản phẩm và theo bán theo đơn đặt hàng của các nhà sản xuất sản phẩm khác.

Thương mại

Ngoài việc phục vụ nhu cầu sản xuất của công ty, Sơn Hà còn thực hiện nhập khẩu và bán nguyên liệu cho các công ty sản xuất khác. Đây cũng là một chiến lược nhằm kiểm soát thị trường đối với các đối thủ cạnh tranh.

Các sản phẩm khác

Sản phẩm khác bao gồm như thiết bị nhà bếp mang nhãn hiệu Casterix được Sơn Hà nhập khẩu và phân phối ra thị trường. Bộ sản phẩm bao gồm: bếp ga, máy hút mùi, bồn rửa, máy sấy bát, vòi nước phục vụ cho thị trường thiết bị nhà bếp cao cấp.

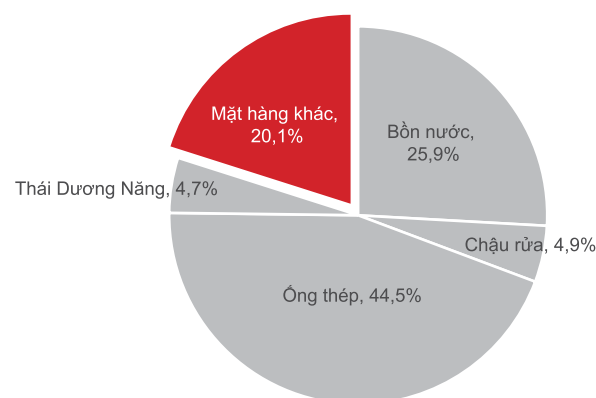
Tiềm năng thị trường

Với tốc độ phát triển sản xuất của các sản phẩm từ thép không gỉ, các doanh nghiệp quy mô nhỏ đều có nhu cầu về nguyên liệu, bán thành phẩm từ các doanh nghiệp có quy mô lớn hơn như Sơn Hà. Đây là hoạt động khá tiềm năng, tuy nhiên ở từng thời điểm chính sách của Sơn Hà cũng sẽ thay đổi để phù hợp với chiến lược cạnh tranh và phát triển thị trường.

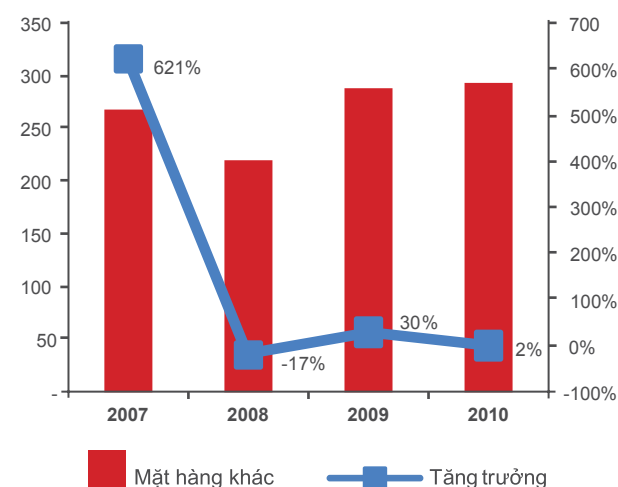
Mục tiêu

Với mục tiêu đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp ra thị trường, năm 2011, Sơn Hà tiếp tục phát triển các sản phẩm này bên cạnh các sản phẩm chính.

Đá dân dụng và các sản phẩm khác trong tổng doanh số 2010



Doanh thu hoạt động thương mại 2007-2010



Dự án bất động sản

Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, Sơn Hà mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực khác trong đó có bất động sản thông qua hình thức đầu tư vốn cổ phần vào các công ty liên kết. Sơn Hà đầu tư kinh doanh bất động sản thận trọng và có chọn lọc với các đối tác có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực này. Công ty đang thực hiện Dự án Khu đô thị Kiến Hưng, dự án Paradise Garden.

Dự án khu đô thị Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội



- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị Kiến Hưng.
- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 của dự án: 1.600 tỷ đồng.
- Vốn góp của Sơn Hà: đại diện góp vốn 30% (trong đó 15% là vốn ủy thác)
- Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa bàn hai xã Kiến Hưng và Phú Lương, Hà Đông. Về đường giao thông dự án có 03 mặt tiếp giáp đường chính của Thành phố, phía đông giáp đường nối khu đô thị Cienco 5 từ Hà Đông đi Hà Nội, phía Bắc giáp đường Lê Trọng Tấn vành đai thành phố
- Tổng diện tích: 47,16ha
- Mô tả dự án: Khu đô thị Kiến Hưng là khu nhà ở đô thị, được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, với tiêu chuẩn đất đai đô thị cao cấp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật lấy theo tiêu chuẩn đô thị loại I.
- Đối tác của Sơn Hà: Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng - HUD 3 - CTCP Đầu tư Phát triển Hợp Phú – Công ty Tín Phú.
- Tiến độ triển khai dự án: dự án đã hoàn thành giai đoạn giải phóng mặt bằng, dự kiến một phần lợi nhuận của dự án sẽ được hoạch toán vào thu nhập của Sơn Hà năm 2011.

Dự án Paradise Garden, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng

- Chủ đầu tư: Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị HUD-đại diện liên danh.
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 434 tỷ đồng.
- Vốn góp của Sơn Hà: 25%
- Địa điểm thực hiện dự án: Paradise Garden cách trung tâm thành phố Đà Lạt (Hồ Xuân Hương) khoảng 3km, thuộc Khu dân cư số 5 - Phường 4.
- Tổng diện tích: 38,1ha.
- Mô tả dự án: Paradise Garden là khu nhà ở, biệt thự kết hợp dịch vụ du lịch cao cấp, đồng bộ, hiện đại về hạ tầng cơ sở, với các trung tâm thương mại dịch vụ đầy đủ các dịch vụ công cộng, trung tâm văn hoá, TDTT, vui chơi giải trí.
- Đối tác của Sơn Hà: CTCP Đầu tư Phát triển Hợp Phú (24%), Tập đoàn HUD (51%).
- Tiến độ triển khai dự án: Dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng.



Dự án xử lý rác thải

Ngày 15/11/2010 Tập đoàn Sơn Hà đã ký kết văn bản hợp tác với Công ty INSUN ENT (Hàn Quốc), về việc cùng nhau triển khai dự án xử lý rác thải tổng hợp tại Việt Nam. INSUN ENT là một doanh nghiệp chuyên môn trong lĩnh vực hệ thống hóa xử lý rác thải tại Hàn Quốc.



Xử lý rác thải hiện đang là vấn đề về môi trường được 70% các đô thị tại Việt Nam đặt ưu tiên hàng đầu. Về mặt chính sách, chính phủ Việt Nam đã ban hành một loạt các chính sách cho hoạt động quản lý rác thải bao gồm chiến lược về quản lý rác thải rắn tại khu vực đô thị và khu công nghiệp và chiến lược bảo vệ môi trường đến năm 2010, có xét đến năm 2020. Theo báo cáo của dự án “Đánh giá ngành nước” phối hợp giữa chính phủ Việt Nam và ADB, hiện Việt Nam có khoảng 15 triệu tấn rác thải rắn mỗi năm, trong đó 80% là rác thải từ hộ gia đình, nhà hàng và các khu vực thương mại. Chỉ 53% rác thải của cả nước được thu gom, trong đó 71% là từ đô thị, và gần 20% là từ nông thôn. Rác thải thu gom chủ yếu được xử lý bằng biện pháp chôn lấp hoặc đốt, làm nhiễm bẩn nguồn nước ngầm và nước mặt, gây hại nghiêm trọng tới con người và môi trường.



Báo cáo về thị trường rác thải Việt Nam năm 2009 của Indochina Capital nhận định, hàng năm, Việt Nam tiêu tốn khoảng 950 triệu đô la chi phí đổ rác vào 91 bãi rác có tổng diện tích 5000 ha. Hiện tại, hoạt động thu gom và xử lý rác thải chủ yếu do Công ty Môi trường đô thị thực hiện. Trong tương lai gần, với tốc độ phát triển, tốc độ gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa rất nhanh, cùng với chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang được tích cực triển khai, hoạt động xử lý rác thải tạm thời nói trên sẽ không phù hợp và cung sẽ vượt cầu rất xa.

Nắm bắt cơ hội của một thị trường tiềm năng, Sơn Hà gia nhập thị trường xử lý rác thải với tham vọng của người đi khai phá, tiên phong. Hiện tại chúng tôi đang xúc tiến một số dự án đầu tư khu xử lý rác tại Việt Nam và đã đạt được một số thỏa thuận quan trọng với INSUN ENT, công ty hàng đầu của Hàn Quốc về xử lý rác thải. Với sự khác biệt về mặt công nghệ đến từ đối tác quốc tế, sự chuyên nghiệp, và hướng tới kinh doanh có đạo đức, có trách nhiệm với con người và môi trường, chúng tôi hy vọng trong vòng 10 năm tới, Sơn Hà sẽ có những bước đi đột phá trong ngành.



Một Sơn Hà vì cộng đồng

Trách nhiệm xã hội theo quan điểm của Sơn Hà được thể hiện ngay trong phương châm kinh doanh ‘vì cộng đồng, vì một cuộc sống tốt đẹp hơn’ với các sản phẩm chậu rửa, bồn Inox truyền thống phục vụ cuộc sống gia đình văn minh hơn, an toàn hơn; các lĩnh vực kinh doanh khác như bất động sản, xử lý rác thải Sơn Hà đang hướng đến cũng không nằm ngoài tiêu chí trên.



Với phương châm vì một tương lai bền vững và sát cánh cùng cộng đồng trở thành một công ty có ích cho xã hội thông qua các chương trình bảo trợ, các hoạt động từ thiện từ lâu đã trở thành hoạt động truyền thống của công ty.

Toàn tập thể cán bộ, nhân viên Sơn Hà đã cùng chung tay vì cộng đồng, thông qua các hoạt động tham gia hiến máu nhân đạo, đồng hành với Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong nhiều hoạt động. Sơn Hà đã tiến hành trao tặng xem đạp cho các em học sinh xã Châu Sơn trong chương trình “Góp sức đến trường cùng các em”.



Nổi bật nhất là sự kiện Sơn Hà tài trợ giải bóng đá VFF-Sonha Cup:



Ban Giám đốc Công ty



Quản trị Doanh nghiệp

Hiện tại, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Năm 2010, Đại hội Đồng Cổ đông Sơn Hà họp 02 lần, thông qua kế hoạch tăng vốn, bãi nhiệm và bổ nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm.

Năm 2010, HĐQT Sơn Hà đã tiến hành các cuộc họp hàng quý, họp bất thường và triển khai lấy ý kiến nhằm có những chỉ đạo kịp thời về hoạt động của công ty. HĐQT đã tổ chức gần 50 cuộc họp và ban hành 14 quyết định về các vấn đề như nhân sự, đầu tư và tăng vốn.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHCĐ bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm.

Năm 2010, Ban kiểm soát đã kiểm tra tình hình hoạt động, thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo riêng theo định kỳ (quý, năm) và nhiều các hoạt động giám sát khác nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

Thù lao và Tiền thưởng năm 2010

Chi tiêu	Bảng tiền (tỷ đồng)
Hội đồng quản trị	0.48
Ban Tổng Giám đốc	2.00
Ban Kiểm soát	0.13
Tổng cộng	2.61

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về định hướng phát triển của Sơn Hà. Hội đồng Quản trị do ông Lê Vĩnh Sơn là Chủ tịch. Cùng với năm thành viên Ban Giám đốc và ba thành viên của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị Sơn Hà luôn cố gắng hết mình để tối đa hóa giá trị đem lại cho cổ đông.



Ông LÊ HOÀNG HÀ

Ông Hà là đồng sáng lập ra công ty với vai trò là Phó chủ tịch và mới đây được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc từ tháng 6 năm 2010. Ông Hà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân với chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Ông Hà hiện cũng là Phó Chủ tịch CTCP Sơn Hà Sài Gòn. Ông Hà hiện nắm giữ 4.500.000 cổ phiếu SHI.



Ông LÊ VĂN NGHÀ

Ông Ngà là thành viên HĐQT. Ông Ngà là thân sinh ra ông Vĩnh Sơn và ông Hoàng Hà và là đồng sáng lập ra công ty và tham gia quản lý công ty đến năm 2008 trước khi nghỉ hưu. Ông Ngà sinh năm 1949 và là kỹ sư địa chất từ Trường Đại học Mỏ. Ông Ngà sở hữu 2.400.000 cổ phiếu SHI tại 31/12/2010.



Ông LÊ VĨNH SƠN

Ông Sơn là đồng sáng lập ra Công ty và là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc công ty từ những năm đầu tiên. Ông được xem là người chèo lái đưa Sơn Hà phát triển mạnh mẽ trong hơn 10 năm qua. Ông Sơn có bằng cử nhân Quản trị kinh doanh. Ông Sơn là chủ tịch HĐQT, Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà, Chủ tịch công ty CP Sơn Hà Sài Gòn, Chủ tịch CTCP Bất động sản Sơn Hà, Ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng. Ông Sơn sở hữu 5.336.000 cổ phiếu SHI tại 31/12/2010.



Ông NGUYỄN CÔNG TẬN

Ông Nguyễn Công Tận là thành viên HĐQT. Ông Tận nguyên là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và từng giữ chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 1997-2002. Ông Tận được biết đến với nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp nông thôn của Việt Nam. Ông sinh năm 1935 và là kỹ sư nông nghiệp.



Ông LÊ HUY CÔN

Ông Côn là thành viên HĐQT. Sinh năm 1939, Ông Côn tốt nghiệp đại học chuyên ngành Quản lý kinh tế. Ông Côn đã từng giữ chức vụ Viện trưởng Viện Nghiên cứu Da giấy thuộc Bộ Công nghiệp, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Da giấy Việt Nam và Thứ trưởng Thường trực Bộ Công nghiệp nhiệm kỳ 1990 – 2001. Ông tham gia Sơn Hà từ năm 2007 với cương vị Ủy viên HĐQT.

Ban tổng Giám đốc



Ông LÊ HOÀNG HÀ

Ông Hà là đồng sáng lập ra công ty với vai trò là Phó chủ tịch và mới đây được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc từ tháng 6 năm 2010. Ông Hà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân với chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Ông Hà hiện cũng là Phó Chủ tịch CTCP Sơn Hà Sài Gòn.



Ông ĐÀM QUANG HÙNG

Ông Hùng là Phó Tổng Giám đốc. Ông Sinh năm 1976, Ông Hùng tham gia công tác tại Sơn Hà từ năm 1999. Ngay sau khi tốt nghiệp trường ĐH Bách khoa Hà nội - chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp Công nghiệp, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng tài chính và đầu tư năm 2007. Hiện nay, Ông là ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà.



Ông NGUYỄN THÀNH NHÂN

Ông Nhân là Phó Tổng Giám đốc. Ông Nhân tốt nghiệp đại học với chuyên ngành Marketing. Ông từng giữ chức vụ trưởng phòng kế hoạch - Công ty Nhất Long năm 1994- 1996, Giám đốc Marketing - Công ty CP CBTP Kinh đô Miền Bắc năm 1996 – 2008. Ông tham gia công tác tại Sơn Hà từ năm 2008 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng kinh doanh của tập đoàn từ năm 2008.



Ông NGUYỄN VĂN THUẬN

Ông Thuận là Phó Tổng Giám đốc. Ông Thuận đã từng là giáo viên trường Dạy nghề cơ khí NN I Trung Ương - Vĩnh Phúc năm 1981 – 1984, công tác tại Công ty Xây lắp 524 Bộ Quốc Phòng 15 năm. Ông tham gia công tác tại Sơn Hà từ năm 2003 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó tổng Giám đốc năm 2007. Ông hiện nay cũng là thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà.



Ông ĐẶNG MINH QUANG

Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc. Ông Quang là Phó Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát



Ông NGUYỄN HUY THƯỜNG

Ông Thường là Trưởng Ban Kiểm soát. Ông Thường tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Hà Nội và nhận bằng Thạc sỹ Thương mại tại Trường Kinh tế Delhi, Đại học Tổng hợp Delhi (University of Delhi, India) năm 2003. Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng qua các vị trí tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, CTCP Chứng khoán Thăng Long, CTCP Chứng khoán Đông Nam Á, CTCP Quản lý Quỹ AIC.



Ông NGUYỄN VĂN TÂM

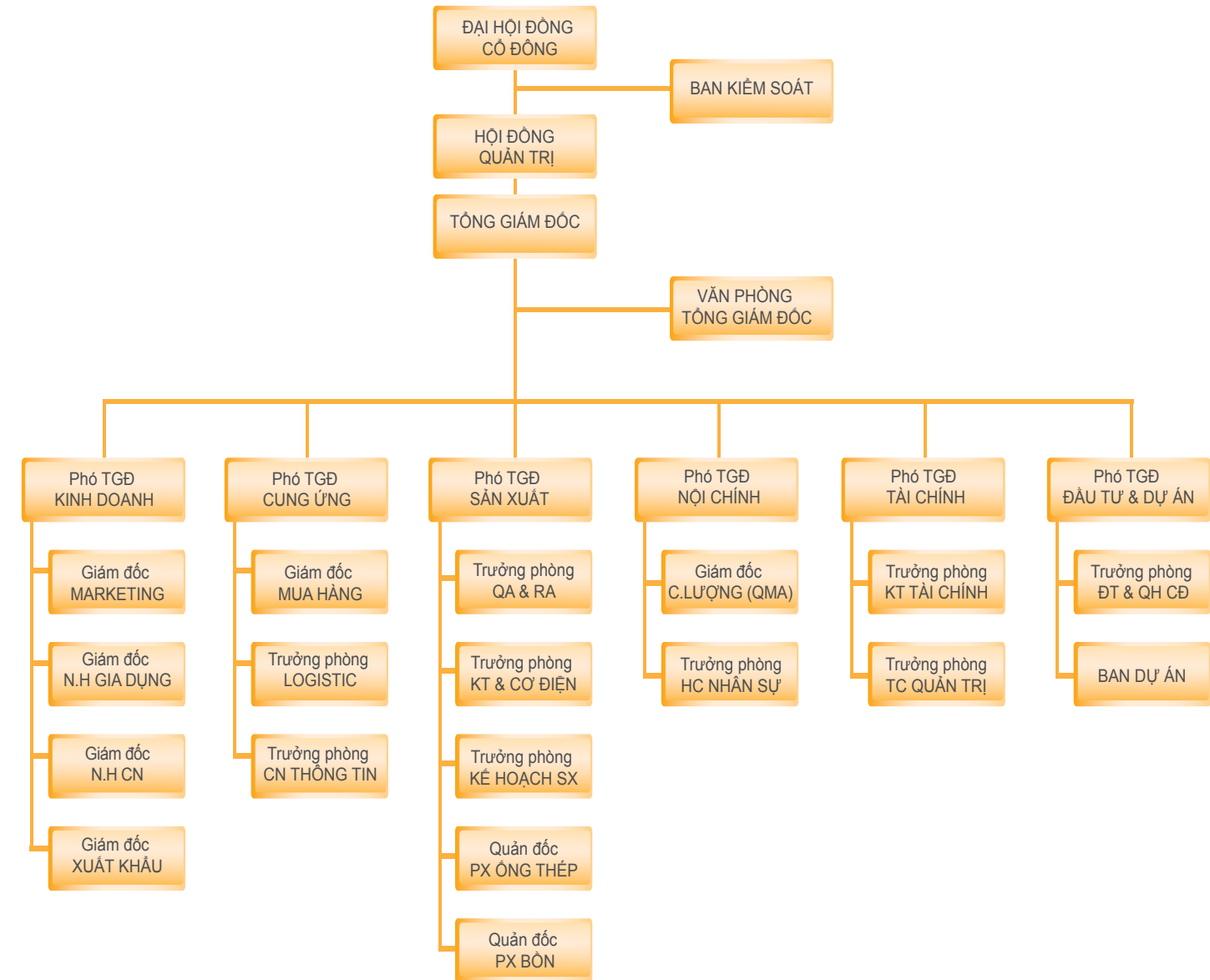
Ông Tâm là thành viên Ban Kiểm soát. Ông Tâm có bằng cử nhân chuyên ngành kế toán tài chính. Ông đã từng công tác tại Công ty TNHH Kiểm toán độc lập, Công ty cổ phần CBTP Kinh Đô Miền Bắc với chức vụ trưởng phòng kế toán quản trị hơn 7 năm. Ông tham gia công tác tại Sơn Hà từ năm 2008.



Ông NGUYỄN VĂN THÀNH

Ông Thành là thành viên Ban Kiểm soát. Ông Thành tốt nghiệp Đại học chuyên ngành xây dựng. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng qua các vị trí tại các công ty xây dựng như Công ty Xây dựng Yên Bình.

Cơ cấu tổ chức



Công ty con và liên kết

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Tiền thân là Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn với mục đích giao quyền tự chủ hơn cho công ty con, nâng cao hiệu quả hoạt động hướng tới mục tiêu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Địa chỉ: 210 Lô B, Chung cư Sơn Kỳ, Đường CC2, phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Sơn Hà: 51% vốn điều lệ, tương đương 40.800.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các cấu kiện kim loại; thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không sản xuất tại trụ sở). Rèn, dập, ép và cán kim loại.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010: Năm 2010, Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đạt doanh thu: 262 tỷ đồng, lợi nhuận thu được 41 tỷ đồng. Tổng tài sản của SHA đạt 192 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2010

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn được hợp nhất theo phương pháp cộng gộp vào báo cáo tài chính của công ty mẹ Sơn Hà.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng

Địa chỉ: Số B14-TT18 khu đô thị mới Văn Quán, phường Phúc La - Hà Đông - Hà Nội City - Vietnam.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ Sơn Hà sở hữu: 15% vốn điều lệ tương đương 7.500.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh các dự án bất động sản.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào báo cáo tài chính của công ty mẹ Sơn Hà.

Cổ phiếu Sơn Hà

Cổ phiếu của Công ty được chính thức được giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) ngày 30/12/2009 với mã chứng khoán SHI.

Mô hình kinh doanh của Sơn Hà phục vụ đại bộ phận người dân và các hộ gia đình và do vậy có thể duy trì được tăng trưởng kể cả trong thời khủng hoảng kinh tế tài chính. Công ty hướng đến việc duy trì một cơ cấu cổ đông đại chúng và mong muốn có thêm các cổ đông mới.

Ban lãnh đạo công ty tin tưởng rằng cổ phiếu SHI sẽ có nhiều tiềm năng trong trung và dài hạn, tiếp tục giữ vững thị phần số 1 trong một số nhóm ngành sản phẩm và đầu tư một cách thận trọng các dự án mới.

Diễn biến giá cổ phiếu SHI

Giá cổ phiếu SHI đầu năm 2010 là 28.900 đồng và giá cổ phiếu cuối năm là 18.000 đồng. Cộng với 3.000 đồng cổ tức/cổ phiếu, tổng lợi nhuận cổ đông năm 2010 của SHI là -27%. So với biến động của VN-Index -2.8%, cổ phiếu SHI đã có mức giảm sâu hơn so với thị trường. Chỉ số Beta ở mức 0.7, thấp hơn so với mức thị trường là 1 cho thấy SHI có mức độ rủi ro thị trường thấp hơn.

Cổ phiếu quỹ

Trong năm Hội đồng Quản trị đã thông qua việc mua tối đa 1.500.000 cổ phiếu quỹ nhằm ổn định tâm lý nhà đầu tư trong giai đoạn thị trường suy giảm mạnh và một phần nâng cao thu nhập trên một cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Công ty đã thực hiện mua 559.230 cổ phiếu quỹ kết thúc vào ngày 23/2/2011.

Cổ tức và chi trả cổ tức

Nhằm tăng tính hấp dẫn của cổ phiếu SHI, công ty có chính sách duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức cao so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành. Công ty duy trì chi trả cổ tức 30% trên mệnh giá cổ phiếu hay 3.000 VND/cổ phiếu. Trong năm 2010, Sơn Hà đã quyết toán 1.500 VND cổ tức năm 2009 và tạm ứng lần một 1.500 VND cổ tức cho năm 2010 với tổng số tiền 45 tỷ đồng.

Công tác quan hệ cổ đông

Công ty thực hiện công bố thông tin tuân thủ Thông tư 09 và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước qua công tác công bố thông tin bắt buộc và tự nguyện.

Duy trì chuẩn mực cao về công bố thông tin và cung cấp thông tin một cách trung thực, thường xuyên và công bằng cho tất cả các cổ đông, Sơn Hà đặt mục tiêu trở thành sự lựa chọn hàng đầu trong ngành cho các nhà đầu tư.

Để thực hiện mục tiêu này, công ty tập trung làm tốt hơn công tác công bố thông tin tự nguyện như phân tích độc lập, giao lưu với cộng đồng đầu tư, báo cáo thường niên chất lượng cao, gặp gỡ các cổ đông và nhà đầu tư tổ chức v.v. nhằm truyền tải tốt hơn các giá trị của Sơn Hà cho cộng đồng đầu tư cũng như thông tin kịp thời cho cổ đông.

Ngoài ĐHCĐ thường niên, trong năm 2010, Công ty đã tiến hành tổ chức ĐHCĐ bất thường một lần và xin ý kiến bằng văn bản một lần để phê duyệt phát hành cổ phiếu, trái phiếu và miễn nhiệm hai thành viên Ban kiểm soát và bắt đầu thay thế hai thành viên khác.

Công tác huy động vốn

Năm 2010, Sơn Hà đã thực hiện thành công đợt phát hành 10 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng. Sau đợt phát hành, Sơn Hà thu được 163 tỷ đồng. Đồng thời, phát hành thành công hai đợt trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng ngày 10/8/2010 thu về 100 tỷ đồng. Ngày 8/11/2010 toàn bộ 10 triệu cổ phiếu phát hành thêm trong đợt tăng vốn điều lệ nói trên được niêm yết bổ sung tại HOSE.

Cơ cấu sở hữu

Ban lãnh đạo công ty sở hữu 12,1 triệu cổ phiếu tại thời điểm 23/3/2011, tương đương 48,3% vốn góp.

Cổ đông tổ chức trong và ngoài nước hiện đang nắm giữ 5,8 triệu cổ phiếu, tương đương 23,2% vốn điều lệ. Trong đó, Ngân hàng Phát triển Nhà TP. HCM (HD Bank) là cổ đông mới, sở hữu 1,5 triệu cổ phiếu (chiếm 6%) qua đợt tăng vốn tháng 7/2010. Hai cổ đông lớn khác là Công ty Chứng khoán Thăng long và Quỹ Bông Sen sở hữu tổng cộng 15%.

Các cá nhân trong nước và nước ngoài nắm giữ 7,2 triệu cổ phiếu, tương đương 28,5% vốn cổ phần. Riêng cán bộ công nhân viên sở hữu 2,3%.

Cổ đông lớn (Triệu cổ phiếu)	1/1/2010		23/3/2011	
	Cổ phần	%	Cổ phần	%
Lê Vĩnh Sơn	5.00	33%	5.37	21%
Lê Hoàng Hà	4.32	29%	4.50	18%
Lê Văn Ngà	2.40	16%	2.40	10%
Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM	-	0%	1.50	6%
Công ty Chứng khoán Thăng Long	-	0%	1.50	6%
Quỹ Lotus Private Equity Fund	-	0%	2.30	9%
Tổng cộng	11.72	78%	17.57	70%

Diễn biến giá SHI so với VN-Index năm 2010



Cổ phiếu SHI chỉ đứng sau DTL về tỷ lệ lãi gộp và đứng thứ hai trong ngành về tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua hai doanh nghiệp hàng đầu thép không gỉ trong khu vực.

So với các công ty cùng ngành trong nước, về hiệu quả sử dụng vốn (ROE) và sử dụng tài sản (ROA) SHI chỉ sau Công ty Cổ phần Đại Thiên lộc (DTL) mà cao hơn Công ty Cổ phần Hữu liên Á Châu (HLA) và Tập đoàn Hoa Sen (HSG).

Tuy nhiên, SHI được thị trường định giá thấp so với HLA và HSG.

Về chỉ tiêu an toàn tài chính, SHI nằm trong nhóm có chỉ số nợ vay/vốn chủ sở hữu tương đối thấp. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của SHI là 1.56 lần vào 31/12/2010 trong khi đó của HLA là 3.8 lần.

So với hai công ty nước ngoài trong cùng ngành được lựa chọn bao gồm Frosh Enterprise và Yeun Chyang Industrial có trụ sở tại Đài Loan thì các chỉ số của SHI đều cho thấy hiệu quả cao hơn trên cả góc độ lợi nhuận biên, hiệu quả sử dụng vốn.

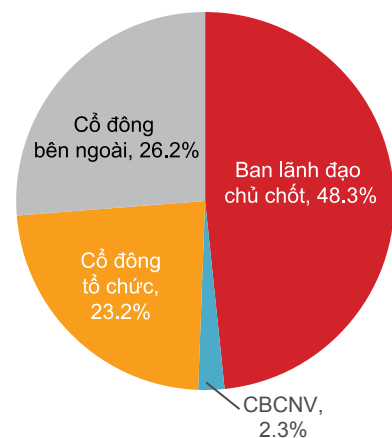
Tuy nhiên SHI được định giá khá thấp so với các công ty cùng ngành ở nước ngoài, chỉ bằng từ 35%-50%. Lý do một phần là do thị trường chứng khoán nói chung của Việt Nam đang ở giai đoạn suy giảm, phần khác do cổ phiếu SHI có thể chưa được nhà đầu tư quan tâm đúng mức.

Cổ phiếu SHI so với các doanh nghiệp cùng ngành

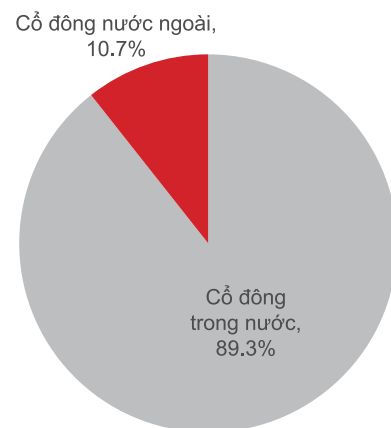
Chỉ tiêu	DTL	HLA	HSG	SHI	Froch Enterprise ¹	Yeun Chyang Industrial ²
Tỷ suất LN gộp	19.6%	10.7%	15.0%	17.5%	9.6%	7.3%
Tỷ suất LN hoạt động	11.3%	0.8%	1.3%	6.3%	3.9%	3.4%
Tỷ suất LN ròng	10.2%	0.7%	1.9%	6.2%	3.0%	2.6%
EBITDA/Doanh thu thuần	11.3%	1.0%	2.5%	11.1%	6.7%	4.1%
EBIT/Doanh thu thuần	15.8%	4.9%	3.9%	9.3%	-	-
EPS	3,801	299	985	3,518	-	-
PE	5.1	31.8	14.7	8.21	11.4	15.3
ROA	9.3%	0.9%	2.1%	8.1%	3.8%	5.3%
ROE	23.1%	4.3%	5.7%	23%	12.1%	8.9%
Nợ/Vốn CSH	1.5	3.8	1.7	1.56	-	-

Nguồn: StoxPlus, Reuters

Cơ cấu cổ đông tại 23/3/2011



Cơ cấu cổ đông tại 23/3/2011



1. Froch Enterprise Co, Ltd là công ty Đài Loan chuyên sản xuất và mua bán các sản phẩm ống thép không gỉ, ống thép, ống đồng, ống dẫn bằng nhôm và các sản phẩm liên quan. Công ty cung cấp ống thép không gỉ, các thanh thép góc không gỉ và cuộn thép không gỉ. Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Đài Loan, vốn hóa của công ty vào ngày 25/3/2011 là hơn 163 triệu đô la Mỹ-Reuters.

2. Công ty TNHH Công nghiệp Yeun Chyang là công ty Đài Loan chuyên sản xuất và phân phối các sản phẩm thép không gỉ. Công ty cung cấp ống thép không gỉ công nghiệp, ống thép không gỉ kết cấu, tấm thép không gỉ mỏng, tấm thép không gỉ dày, sản phẩm thép không gỉ góc, các sản phẩm thép không gỉ cán mỏng và một số sản phẩm thép không gỉ khác. Sản phẩm được áp dụng trong ngành công nghiệp như hóa chất, xây dựng, thực phẩm, máy móc, bảo vệ môi trường, chữa cháy, viễn thông, cũng như sản xuất của các cửa ra vào, cửa sổ, kệ. Công ty phân phối sản phẩm của mình tại thị trường trong nước và nước ngoài. Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Đài Loan, vốn hóa của công ty vào ngày 25/3/2011 là khoảng 295 triệu đô la Mỹ-Reuters.

Quản trị rủi ro

Hai rủi ro chính trong mô hình kinh doanh của Sơn Hà là rủi ro giá thép không gỉ - nguyên vật liệu chính chiếm tới 90% giá thành sản phẩm của công ty và rủi ro về tỷ giá do các nguyên liệu đầu vào này vẫn phải nhập khẩu do chưa có nhà cung cấp trong nước. Ban Lãnh đạo đã chủ động áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu sự tác động tiêu cực.

Lợi nhuận công ty của thép bị suy giảm do giá thép không gỉ tiếp tục leo thang do chiếm đến 90% trong giá thành sản phẩm thép không gỉ của Sơn Hà:

Hiện nguyên vật liệu đầu vào của Sơn Hà là thép không gỉ chiếm tới 90% giá vốn hàng bán. Và do vậy, khi giá thép không gỉ tăng cao đã làm cho giá thành sản phẩm tăng cao tương ứng. Thực tế trong năm 2010, giá thép không gỉ mác 304 đã tăng từ 2.912 USD/tấn vào tháng 1/2010 lên 3.670 USD/tấn vào tháng 12/2010. Sự bất ổn của nền kinh tế thế giới khiến cho các nhà cung cấp nguyên liệu thép rút ngắn thời hạn hợp đồng từ năm xuống quý. Các công ty sản xuất thép gặp khó khăn trong việc chủ động về nguồn nguyên liệu.

Ngành sản xuất sản phẩm thép không gỉ có đặc thù riêng. Nguyên liệu chính là thép không gỉ được nhập hoàn toàn từ nước ngoài hoặc các nhà sản xuất thép nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam mà chủ yếu là cán vì chưa luyện thép không gỉ ở trong nước. Do đó, rủi ro chính là sự biến động của giá thép không gỉ thế giới. Giá thép không gỉ trên thế giới được quyết định bởi các công ty luyện thép lớn như ArcelorMittal, Baosteel, Posco tiếp đến là các nhà khai mỏ lớn như Vale, BHP Billiton, Rio Tinto.

Năm 2010 có sự thay đổi lớn trong phương thức giao dịch, trước đây các nhà luyện thép ký hợp đồng với các nhà khai mỏ theo giá cố định hàng năm đã bị buộc chuyển sang giá hàng quý. Do đó, giá hợp đồng đã biến động hơn khi các nhà luyện thép định giá bán thép với các nhà sản xuất sản phẩm từ thép ở các hợp đồng có kỳ hạn ngày càng ngắn hơn.

Trong năm 2010, Sơn Hà đã thực hiện mạnh mẽ các giải pháp đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu bởi các nhà cung cấp quốc tế có cơ sở sản xuất tại Việt Nam như Posco. Cùng với sự điều chỉnh linh hoạt chính sách giá bán, công ty vẫn duy trì được mức độ cải thiện tỷ suất lợi nhuận ròng 2% toàn công ty.

Sang năm 2011, Sơn Hà sẽ chủ động hơn nữa trong việc dự đoán xu hướng giá để có chính sách mua hàng hợp lý, giảm thiểu chi phí đầu vào cho toàn công ty.

Lợi nhuận của công ty có thể suy giảm do điều chỉnh tỷ giá VND/USD:

Do phần lớn nguyên vật liệu là thép không gỉ được nhập khẩu từ nước ngoài và Sơn Hà phải thanh toán bằng ngoại tệ. Do đó chi phí nguyên vật liệu đầu vào sẽ gia tăng nếu như chính sách giá của công ty chưa điều chỉnh được hoặc khó có thể tăng giá do sản phẩm cạnh tranh.

Công ty đã đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và tăng tỷ trọng doanh số xuất khẩu thu ngoại tệ nhằm cân đối và loại trừ một phần rủi ro ngoại tệ. Thực tế, 70% doanh số ống thép năm 2010 là từ xuất khẩu. Ngoài ra, Ban Giám đốc đã quán triệt tăng cường việc mua vào các nguyên vật liệu tương đồng trong nước có chất lượng tương đương.

Ngoài ra, mô hình kinh doanh của Sơn Hà sẽ chịu sự tác động của các nhóm yếu tố rủi ro khác bao gồm (i) rủi ro chính sách vĩ mô, chính sách tài chính tiền tệ; (ii) rủi ro thị trường bao gồm cạnh tranh từ các đối thủ cạnh tranh và (iii) rủi ro vận hành hay hoạt động trong quá trình vận hành nhà xưởng, thiết bị công nghệ cũng như an toàn lao động.

Áp dụng linh hoạt các nghiệp vụ mua bán kỳ hạn, đàm phán về cách thức mua hàng cũng như bán hàng với các đối tác để có được các tỷ giá hợp lý cho từng giai đoạn.

Đánh giá kết quả hoạt động



“Doanh thu của tất cả các sản phẩm chủ đạo của Sơn Hà đều có mức tăng trưởng hai con số. Lợi nhuận biên của tập đoàn cải thiện 2% và lợi nhuận cho cổ đông tăng gấp đôi năm 2009”

Ông Lê Hoàng Hà, Tổng Giám đốc

VND 1.452 tỷ
Doanh thu

VND 69 tỷ
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ

23%
Tỷ suất lãi ròng trên vốn

- Doanh số năm 2010 đạt 1.452 tỷ đồng, tăng trưởng 36% do đóng góp của mức độ tăng trưởng đột phá của dòng sản phẩm ống thép và các ngành sản phẩm khác.
- Lợi nhuận cho cổ đông công ty mẹ đạt 69 tỷ đồng và tăng 98% so với năm 2009. Với 25 triệu cổ phiếu lưu hành, EPS năm 2010 đạt 3.518 đồng/cổ phiếu, tăng trưởng 23%.
- Tất cả các ngành hàng sản phẩm đều tăng trưởng mạnh ở mức hai con số ngoại trừ thương mại và gia công duy trì ở quy mô năm 2009 do công ty chủ động không phát triển mạnh ngành hàng này nguyên nhân là tỷ suất lợi nhuận gộp thấp (7%).
- Riêng ngành hàng ống thép tăng trưởng mạnh 70% và Sơn Hà chưa đáp ứng hết các đơn hàng xuất khẩu sang các thị trường Mỹ và Châu Âu.
- Hiệu quả sử dụng vốn lưu động năm 2010 được cải thiện rõ rệt do công ty quyết liệt trong công tác thu nợ và chủ động chiếm dụng vốn nhà cung cấp trước áp lực chi phí lãi vay cao. Vòng quay phải thu khách hàng trung bình năm 2010 giảm còn 70 ngày (2009: 96 ngày).
- Sự thành công của đợt huy động 163 tỷ đồng cho 10 triệu cổ phiếu đem lại nguồn vốn quan trọng nhằm giảm áp lực vốn vay và chi phí lãi vay năm 2010. Số tiền phát hành đã và đang được sử dụng hiệu quả cho các dự án đầu tư mở rộng nhà máy và góp vốn đầu tư các dự án bất động sản.
- Chi phí vốn vay năm 2010 tăng mạnh lên 65 tỷ đồng do sự gia tăng của mặt bằng lãi suất. Ngoài ra, kết quả kinh doanh của Sơn Hà còn chịu ảnh hưởng giá nguyên liệu đầu vào mà chủ yếu là Nikkel nhập khẩu.
- Giá Nikkel tăng 26% trong năm 2010. Hơn nữa, nguyên vật liệu nhập khẩu chiếm 90% giá thành sản phẩm nên công ty sẽ chịu tác động lớn từ chính sách điều chỉnh tỷ giá USD/VND trong các năm tiếp theo. Ban lãnh đạo tin tưởng rằng sự gia tăng mạnh của doanh số xuất khẩu ống thép sẽ cân đối một phần nguồn thu ngoại tệ để giảm thiểu sự tác động này.

Doanh thu năm 2010 tăng 36%, lợi nhuận cho cổ đông công ty mẹ tăng gấp đôi và lãi trên cổ phiếu (EPS) tăng 23% so với năm 2009.

Doanh thu

Doanh thu thuần của Sơn Hà 2010 đạt 1.452 tỷ đồng, tăng 36% tương đương 410 tỷ đồng so với 2009. Trong đó, sản phẩm thép không gỉ đóng góp tới 645 tỷ đồng tức chiếm 45% tổng doanh số.

Sản phẩm ống thép có mức độ tăng trưởng ấn tượng 73% năm 2010. Đây là năm thứ hai sản phẩm ống thép đạt tốc độ tăng trưởng cực kỳ ấn tượng (2009: 79%) và tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu của Sơn Hà tại Việt Nam với 30% thị phần ống thép trang trí Inox sản xuất trong nước và 85% thị phần ống thép công nghiệp Inox xuất khẩu.

Trong năm, xuất khẩu được đẩy mạnh sang các thị trường mới, Trung Đông ngoài thị trường truyền thống tại Mỹ và Châu Âu. Với mức tăng trưởng này, ngành hàng ống thép đã tăng tỷ trọng từ 35,9% năm 2009 lên 44,5% năm 2010.

Lợi nhuận hoạt động

Tỷ suất lợi nhuận hoạt động đạt 6,3% và có mức cải thiện lớn so với 4,4% trong năm 2009. Lợi nhuận hoạt động năm 2010 đạt 91 tỷ đồng tăng 96% so với năm 2009 chủ yếu do sự cải thiện tỷ suất lợi nhuận gộp từ 15% năm 2009 lên 17% năm 2010.

Năm 2010, Sơn Hà đẩy mạnh các hoạt động marketing và tài trợ vốn cho các đại lý bán hàng nên chi phí bán hàng tăng mạnh lên 70 tỷ đồng chiếm 4,8% doanh số (2009: 2,7%).

Trong khi đó chi phí lãi vay ngân hàng tăng 90% do mật bằng chi phí lãi vay gia tăng theo mật bằng chung của thị trường cũng như gia tăng việc sử dụng vốn vay lưu động và đầu tư các dự án mới.

Công ty đã thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí quản lý năm 2010 và nhờ đó chi phí quản lý duy trì ở mật bằng chung so với năm 2009 trong khi vẫn đảm bảo doanh số tăng trưởng cao ở mức 36%.

Kết quả kinh doanh	2010	2009
<i>Tỷ VND (riêng EPS là VND)</i>		
Doanh số thuần	1,452	1,067
Giá vốn hàng bán	-1,198	-905
Lãi gộp	254	163
Thu nhập tài chính	29	8
Chi phí tài chính	-95	-69
Trong đó: Chi phí tiền lãi	-66	-34
Chi phí bán hàng	-70	-29
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-27	-26
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	92	47
Thu nhập khác	35	2
Chi phí khác	-5	-2
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	122	47
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện thời	32	10
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	0	1
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	90	36
Lợi ích của cổ đông thiểu số	21	0
Cổ đông của Công ty mẹ	69	36
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,518	2,850
Lãi trên cổ phiếu pha loãng	0	0

Kết quả kinh doanh năm 2010: Lợi nhuận trước thuế lãi vay và khấu hao (EBITDA) cải thiện rõ rệt và có mức tăng trưởng gần gấp hai lần so với năm 2009.

Lợi nhuận khác

Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận khác 31 tỷ đồng từ đánh giá lại tài sản và từ thanh lý tài sản cố định.

Lãi trên cổ phiếu EPS

Mặc dù lợi nhuận cổ đông công ty mẹ tăng 98% so với 2009 lên 69 tỷ đồng nhưng EPS chỉ đạt mức tăng trưởng 23% do Công ty đã thực hiện tăng vốn cổ phần từ 150 tỷ lên 250 tỷ vào tháng 10 năm 2010.

Nguồn vốn 163 tỷ đồng thu được từ đợt phát hành năm 2010 hiện đang được sử dụng vào các dự án đầu tư mở rộng sản xuất nên sẽ phản ánh vào lợi nhuận của các năm tới từ 2011.

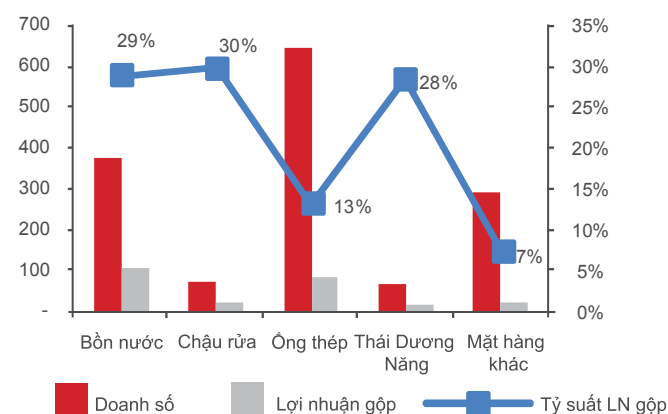
EBITDA và EBIT

Tỷ suất lợi nhuận trước chi phí lãi vay, thuế và khấu hao (EBITDA) tăng 3% lên 11% trong năm 2010 công ty có mức lợi nhuận ròng tiền lớn do tăng trưởng doanh số trong khi chi phí khấu hao không tăng trưởng đáng kể.

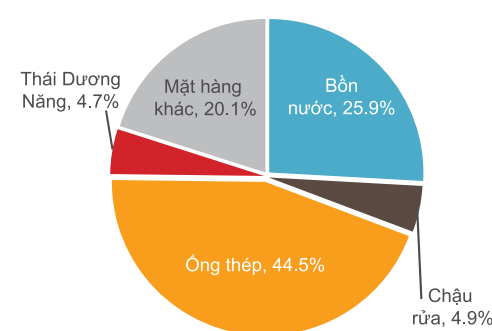
Trong khi đó EBIT mặc dù tăng gấp đôi lên 136 tỷ đồng năm 2010 do chi phí lãi vay tăng gấp đôi năm 2010 so với 2009.

Hiệu quả lợi nhuận		2010	2009
<i>Tỷ VND (riêng EPS là VND)</i>			
Tỷ suất LN gộp	%	17,5%	15,2%
Tỷ suất LN hoạt động	%	6,3%	4,4%
Tỷ suất LN ròng	%	6,2%	3,3%
Tỷ suất EBITDA	%	11,1%	8,4%
Tỷ suất EBIT	%	9,3%	6,6%
Hệ số chi trả lãi vay	lần	2,1	2,0
Khấu hao	Tỷ VND	25,7	19,8
Chi phí lãi vay	Tỷ VND	65,8	34,4
EBITDA	Tỷ VND	160,6	89,8
EBIT	Tỷ VND	134,9	70,0

Doanh số và tỷ suất lợi nhuận hoạt động



Cơ cấu doanh số 2010



Kết quả kinh doanh theo ngành hàng: Ống thép không gỉ vẫn là sản phẩm chủ đạo chiếm 45% tổng doanh số và 33% lợi nhuận gộp của công ty trong khi Bồn nước Inox tiếp tục duy trì đóng góp lợi nhuận cao nhất ở mức 42%.

Cơ cấu doanh số

Ống thép vẫn là mặt hàng chủ lực khi tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và chiếm 45% tổng doanh số của công ty. Tiếp theo là bồn nước chiếm 26%.

Mặc dù còn nhiều tiềm năng phát triển, hai ngành hàng là Chậu rửa và Thái Dương Năng có mức đóng góp tổng cộng 9,6% tổng doanh số.

Doanh thu khác từ thương mại và gia công chiếm 21% tổng doanh số. Hai mặt hàng này năm nay đạt tốc độ tăng trưởng thấp 2% do chủ trương giảm các hoạt động thương mại và gia công.

Lợi nhuận gộp

Mặc dù chỉ chiếm 26% tổng doanh số nhưng ngành hàng bồn nước Inox đóng góp tới 42% trong tổng số 254 tỷ đồng lợi nhuận gộp năm 2010.

Bồn nước, Chậu rửa và Thái Dương Năng đều có sự cải thiện đáng kể từ 2% đến 3% tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2010 so với năm 2009. Tuy nhiên mặt hàng chủ lực là Ống thép vẫn duy trì mức tỷ suất lợi nhuận gộp 13% năm 2010 do sự ổn định trong mức giá gia công.

Các ngành hàng công ty sản xuất theo dây chuyền công nghệ tiên tiến đều có tỷ suất lợi nhuận hai con số. Cao nhất là sản phẩm Chậu rửa (30%) và thấp nhất là Ống thép (13%). Riêng mặt hàng khác có mức tỷ suất lợi nhuận 7% năm 2010 do đây là mặt hàng công ty làm thương mại và gia công nên có tỷ suất thấp.

Doanh số theo ngành hàng

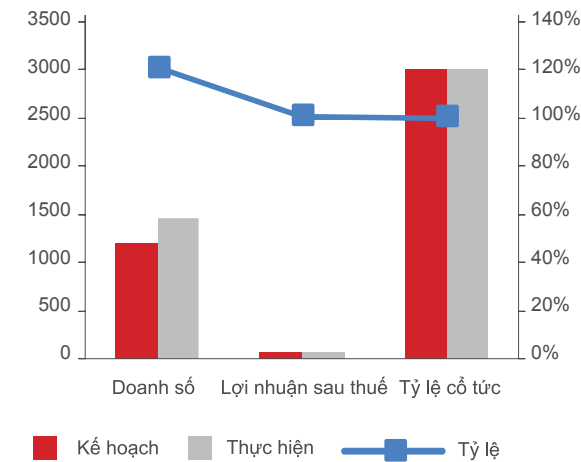
	2007	2008	2009	2010
	Tỷ VND	Tỷ VND	Tỷ VND	Tỷ VND
Bồn nước	191.6	223.2	283.9	376.0
Chậu rửa	37.9	47.5	57.1	70.5
Ống thép	265.6	327.7	374.1	646.0
Thái Dương năng	-	25.9	40.6	68.9
Mặt hàng khác	265.9	220.2	286.9	291.4
Tổng Doanh thu	761.0	844.5	1,042.6	1,452.9

Lợi nhuận gộp theo ngành hàng

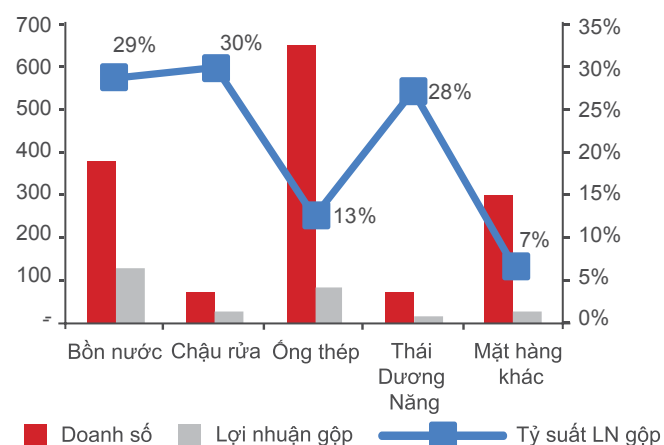
	2007	2008	2009	2010
	Tỷ VND	Tỷ VND	Tỷ VND	Tỷ VND
Bồn nước	42.5	49.1	73.0	107.2
Chậu rửa	10.4	12.9	16.0	21.0
Ống thép	22.6	27.5	49.3	84.7
Thái Dương Năng	-	5.9	10.2	19.5
Mặt hàng khác	10.3	9.7	14.8	21.7
Lợi nhuận gộp	85.8	105.1	163.3	254.1

Doanh số năm 2010 đạt 121% và lợi nhuận sau thuế đạt 100.6% so với kế hoạch.

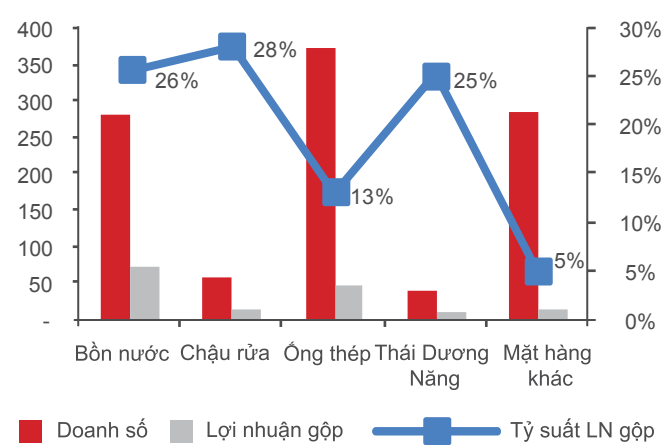
Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành thép nói riêng, bằng các biện pháp tích cực nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, hạn chế các rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu, rủi ro về tỷ giá VND/USD, Sơn Hà đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đề ra tại nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010. Các chỉ tiêu quan trọng như doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ cổ tức đều đạt hoặc vượt mục tiêu. Thông tin về một số chỉ tiêu được cho trong bảng dưới đây.



Tỷ suất lợi nhuận gộp theo ngành hàng 2010



Tỷ suất lợi nhuận gộp theo ngành hàng 2009



Tình hình tài sản và nguồn vốn: Tổng tài sản tăng 46% và chủ yếu được tài trợ bởi tăng vốn cổ phần và khoản vay dài hạn.

Tổng tài sản của công ty tăng trưởng 46% và đạt 1.112 tỷ đồng. Đây là mức tăng lớn nhất trong 5 năm trở lại đây. Do đặc thù kinh doanh nên phải thu khách hàng và hàng tồn kho chiếm 49% tổng tài sản. Đây là mức thấp hơn so với các năm trước (2009: 60%).

Hàng tồn kho

Tỷ VND	2007	2008	2009	2010
Nguyên vật liệu	113	83	112	115
Hàng mua đi đường	0	0	11	50
Thành phẩm	32	41	34	75
Hàng hóa	22	18	18	23
Hàng gửi bán	1	3	1	6
Tổng	168	144	176	269

Hàng tồn kho của công ty chủ yếu là nguyên vật liệu nhập khẩu về phục vụ sản xuất quý tiếp theo trong năm 2011.

Thành phẩm sản xuất bởi công ty không đủ để đáp ứng nhu cầu rất cao của thị trường nên có số dư không lớn. 75 tỷ đồng thành phẩm tại 31/12/2010 chủ yếu phản ánh bồn nước và Chậu rửa Inox nằm rải rác tại hơn 500 đại lý của Sơn Hà.

Phải thu khách hàng

Số dư phải thu khách hàng tại 31/12/2010 là 280 tỷ đồng chủ yếu phản ánh số dư phải thu các đại lý phân phối.

Mặc dù số dư phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản ngắn hạn, vòng quay phải thu năm 2010 thực chất đã được cải thiện còn 70 ngày (2009: 96 ngày) do công ty đẩy mạnh công tác thu nợ nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động trước sự gia tăng của chi phí lãi vay.

Bảng cân đối kế toán	2007	2008	2009	2010
Tiền và tương đương tiền	12	36	26	85
Đầu tư ngắn hạn	-	24	14	40
Phải thu khác hàng	90	139	282	280
Hàng tồn kho	168	144	176	269
Tài sản ngắn hạn khác	29	31	21	132
Tài sản ngắn hạn	298	375	519	806
Tài sản cố định hữu hình	40	103	172	198
Tài sản cố định vô hình	3	18	17	17
Tài sản thuê tài chính	26	19	14	5
Xây dựng CBDD	70	46	15	48
Đầu tư dài hạn	8	18	19	31
Tài sản dài hạn khác	6	7	5	7
Tài sản dài hạn	153	210	242	306
TỔNG TÀI SẢN	451	585	761	1,111
Vay ngắn hạn	252	209	411	389
Vay dài hạn	60	73	80	151
Phải trả nhà cung cấp	27	148	47	91
Phải trả khác	36	24	20	48
Nợ phải trả	375	453	558	678
Vốn góp	41	120	150	250
Thặng dư vốn	-	-	6	69
Lãi chưa phân phối	35	12	47	69
Các quỹ	-	-	-	5
Vốn chủ sở hữu	76	132	204	393
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	40
NGUỒN VỐN	451	585	761	1,111

Tình hình tài sản và nguồn vốn: Hiệu quả quản lý vốn lưu động được cải thiện và giúp giảm áp lực vay vốn lưu động cũng như giảm chi phí lãi vay vốn đã tăng cao trong 2010.

Hiệu quả quản lý vốn lưu động

	2007	2008	2009	2010
Vòng quay phải thu	ngày 43	60	96	70
Vòng quay HTK	ngày 91	71	71	82
Vòng quay phải trả	ngày 15	73	19	28

Trước áp lực chi phí lãi vay, công ty đã quyết liệt trong công tác nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn lưu động.

Vòng quay phải thu khách hàng được cải thiện năm 2010. Số ngày bình quân thu tiền sau khi xuất hóa đơn là 70 ngày (2,4 tháng) trong khi năm 2009 là hơn 3 tháng.

Vòng quay phải trả nhà cung cấp cũng được nỗ lực kéo dài từ 19 ngày năm 2009 lên 28 ngày năm 2010 nhằm chiếm dụng vốn của nhà cung cấp. Ban Giám đốc quán triệt Phòng Kế toán Tài chính chủ động kéo dài thời hạn thanh toán các hóa đơn nhà cung cấp nếu có thể trong phạm vi hợp đồng.

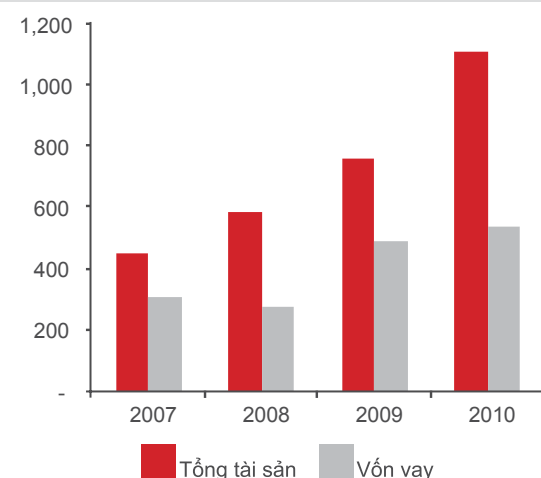
Vòng quay hàng tồn kho tăng lên 82 ngày (2009: 71 ngày) do công ty nhập nguyên vật liệu phục vụ sản xuất năm 2011 và đang ở tình trạng hàng nhập đang trên đường về. Số dư thành phẩm luôn ở mức thấp do sản lượng sản xuất ra không đủ bán.

Cơ cấu vốn và Hiệu quả sử dụng vốn

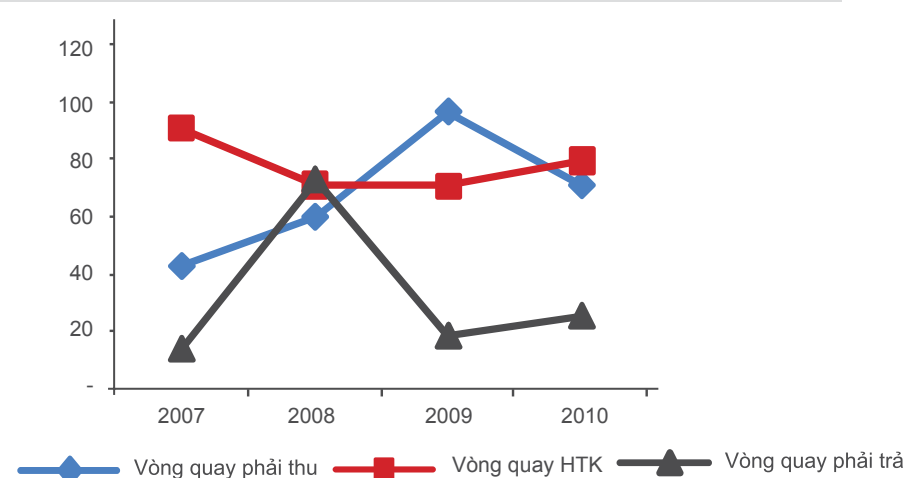
Do thực hiện thành công phát hành 10 triệu cổ phiếu trong năm và gia tăng vốn cổ phần đã giúp hệ số đòn bẩy tài chính (Vốn vay/Vốn chủ sở hữu) đã giảm về 1.25 lần (2009: 2.41 lần).

Chỉ số tài chính	2007	2008	2009	2010
Thanh khoản				
Thanh toán nhanh	lần 0.04	0.10	0.06	0.18
Thanh toán hiện thời	lần 1.07	1.05	1.13	1.68
Hiệu quả vốn lưu động				
Vòng quay phải thu	ngày 43	60	96	70
Vòng quay HTK	ngày 91	71	71	82
Vòng quay phải trả	ngày 15	73	19	28
Cơ cấu vốn				
Vốn vay/Vốn CSH	lần 4.10	2.13	2.41	1.38
Vốn vay/Tổng tài sản	lần 0.69	0.48	0.64	0.49
Hiệu quả sử dụng vốn				
ROE	% 31.6%	12.2%	17.5%	17.6%
ROA	% 5.2%	2.8%	4.7%	6.2%
ROCE	% 26.7%	23.0%	24.6%	23.1%
Tăng trưởng				
Tổng tài sản	%	29.6%	30.3%	45.9%

Tổng tài sản và vốn vay 2007-2010



Hiệu quả vốn lưu động



Lưu chuyển dòng tiền: Dòng tiền thuần trong năm đạt dương 59 tỷ đồng do ghi nhận 163 tỷ đồng thu từ phát hành cổ phiếu năm 2010.

Hoạt động Sản xuất Kinh doanh

Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 âm 8 tỷ đồng chủ yếu do sự gia tăng hàng tồn kho lên 269 tỷ đồng (2009: 176 tỷ đồng).

Hoạt động đầu tư

Dòng tiền đầu tư âm 103 tỷ đồng do công ty đầu tư mua sắm tài sản cố định, dự án và góp vốn vào đơn vị khác.

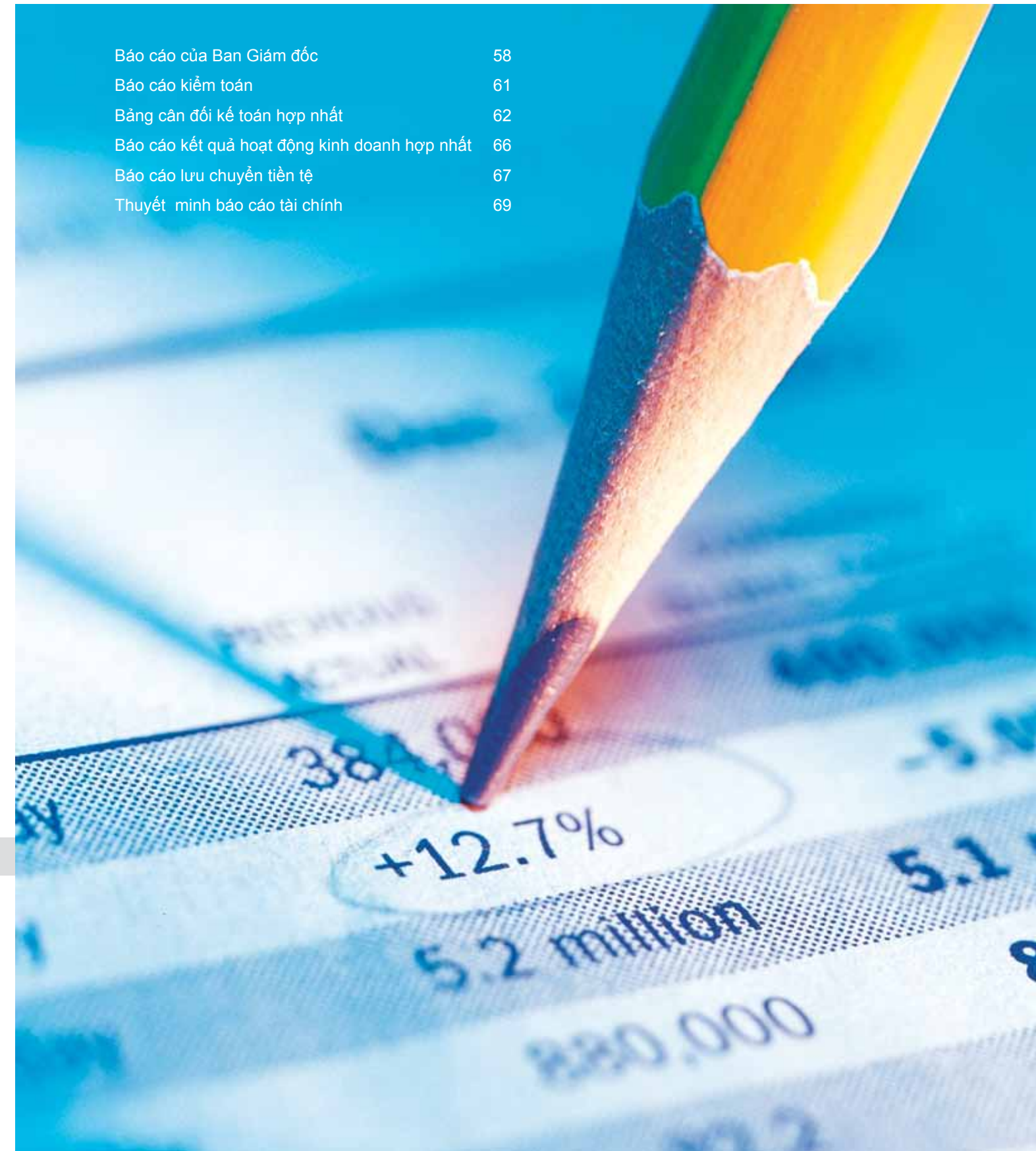
Hoạt động tài chính

Hoạt động tài chính có dòng tiền dương 170 tỷ đồng chủ yếu do nguồn thu 163 tỷ tiền vốn phát hành 10 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành ra công chúng và cho nhà đầu tư tổ chức trong năm 2010.

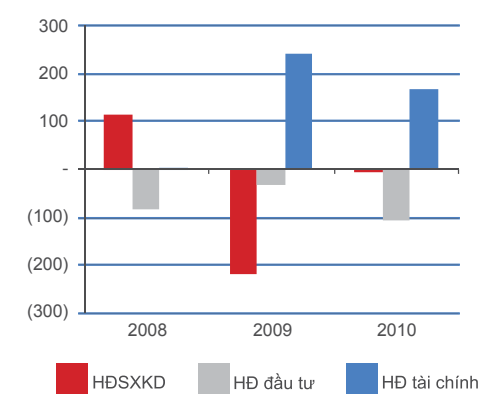
Tổng doanh số vay từ ngân hàng năm 2010 là 1.169 tỷ đồng và số tiền trả nợ vay là 1.112 tỷ đồng. Quy mô hoạt động vay và trả ngân hàng tăng mạnh so với năm 2009 nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và vốn đầu tư của Sơn Hà.

Dòng tiền	2008	2009	2010
Dòng tiền từ HĐSXKD	114	(216)	(8)
Dòng tiền từ HĐ đầu tư	(83)	(32)	(103)
Dòng tiền từ HĐ tài chính	(7)	238	170
Dòng tiền thuần	25	(10)	59
Số dư đầu năm	12	36	26
Số dư cuối năm	36	27	85

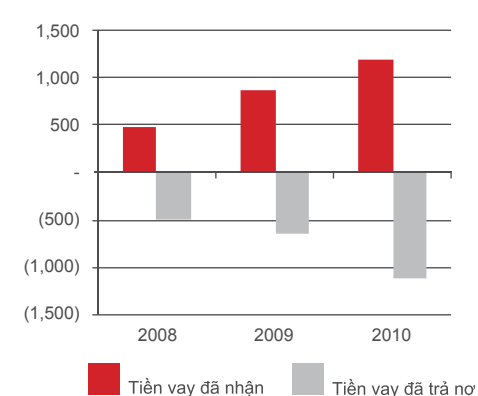
Báo cáo của Ban Giám đốc	58
Báo cáo kiểm toán	61
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	62
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	66
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	67
Thuyết minh báo cáo tài chính	69



Cơ cấu dòng tiền năm 2008-2010



Hoạt động vay và trả nợ vay 2008-2010



Báo cáo của ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (công ty mẹ) và công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 04 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ tư ngày 05 tháng 01 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 250 tỷ VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Vĩnh Sơn	53.360.000.000	21
Ông Lê Hoàng Hà	45.000.000.000	18
Ông Lê Văn Ngà	24.000.000.000	10
Cổ đông khác	127.640.000.000	51
Cộng	250.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37 65 44 19

Fax: (04) 37 65 80 84

E-mail : sonhaco@netnam.vn

Mã số thuế: 0 1 0 0 7 7 6 4 4 5 - 1

Đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lô III3A, đường 1, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng;

- Sản xuất, gia công, lắp ráp và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử, đồ điện gia dụng;

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;

- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ;

- Sản xuất gỗ nội thất (bàn ghế, tủ, tủ bếp);

- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;

- Sản xuất và mua bán các sản phẩm được chế tạo từ vật liệu Composite;

- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu du lịch, thể thao văn hóa (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, sơn xây dựng dân dụng, công nghiệp, bột bả trong xây dựng dân dụng;

- Khai thác, sản xuất, mua bán, chế biến sản phẩm đá tự nhiên, đá dùng trong xây dựng;

- Sản xuất và mua bán các sản phẩm năng lượng mới như: năng lượng mặt trời; năng lượng gió;

- Sản xuất và mua bán ống thép các loại;

- Sản xuất và mua bán các loại thiết bị lọc nước;

- Luyện kim, đúc thép, cán kéo thép;

- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; Đại lý giao nhận và đại lý vận tải hàng hóa;

- Kinh doanh bất động sản;

- Khai thác, vận hành và các dịch vụ phục vụ tòa nhà, khu chung cư, công trình dân dụng, công nghiệp; Các dịch vụ cho nhà ở và văn phòng làm việc;

- Khai thác và chế biến khoáng sản (trừ lại khoáng sản Nhà nước cấm);

- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp;

- Bán buôn phân bón;

- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp; Dạy nghề cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh, ngoại ngữ, tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Công ty con

- *Tên công ty:* Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà)

- *Địa chỉ trụ sở chính:* 210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

- *Giấy phép thành lập:* Số 0307526635 ngày 26/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp

- *Tỷ lệ sở hữu:* 51%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty thực hiện bán bớt 49% vốn tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà cho các Cổ đông khác. Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà thực hiện đánh giá lại tài sản và chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần. Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà được phản ánh tăng thu nhập khác là: 29.036.617.508 VND làm cho lợi nhuận khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tăng lên đột biến. Toàn bộ lợi nhuận có được do đánh giá lại tài sản tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà được sử dụng để trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 42).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Tạn	Thành viên
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Lê Huy Côn	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Huy Thường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tâm	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Hoàng Hà	Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2010	
Ông Lê Vĩnh Sơn	Tổng Giám đốc	30 tháng 7 năm 2007	01 tháng 6 năm 2010
Ông Đàm Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Thành Nhân	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 6 năm 2008	
Ông Đặng Minh Quang	Phó Tổng giám đốc	01 tháng 6 năm 2010	

Báo cáo kiểm toán

Về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Hoàng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2011, từ trang 8 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Thuyết minh V.24 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Năm 2010, Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 4.811.480.609 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập như những năm trước.
- Thuyết minh số I.8 về việc đánh giá lại tài sản khi chuyển đổi hình thức sở hữu tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà đã làm tăng thu nhập khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất là: 29.036.617.508 VND.

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Tư
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kiểm toán viên



Hoàng Thị Viêt
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		805,691,559,511	519,145,239,169
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	85,311,739,324	26,426,038,195
1.	Tiền	111		45,311,739,324	26,426,038,195
2.	Các khoản tương đương tiền	112		40,000,000,000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39,855,378,000	13,700,000,000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	40,189,858,000	13,700,000,000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(334,480,000)	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		335,381,862,552	292,729,918,066
1.	Phải thu khách hàng	131		279,740,163,135	281,828,362,908
2.	Trả trước cho người bán	132		48,450,072,960	3,952,165,241
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	7,222,159,157	6,949,389,917
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(30,532,700)	-
IV.	Hàng tồn kho	140		268,717,827,233	175,822,716,011
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	268,717,827,233	175,822,716,011
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		76,424,752,402	10,466,566,897
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	2,180,294,914	1,416,471,946
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17,059,004,791	1,687,599,961
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		123,146,142	592,071
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	57,062,306,555	7,361,902,919

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		305,502,334,570	242,264,458,202
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		267,693,813,669	218,543,729,524
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	197,471,885,701	171,956,462,170
	Nguyên giá	222		275,625,161,489	221,119,894,683
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78,153,275,788)	(49,163,432,513)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	5,332,850,947	13,893,353,519
	Nguyên giá	225		6,293,514,270	19,745,375,572
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(960,663,323)	(5,852,022,053)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16,920,398,771	17,441,218,019
	Nguyên giá	228		18,819,898,183	18,584,977,433
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,899,499,412)	(1,143,759,414)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	47,968,678,250	15,252,695,816
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31,020,000,000	19,033,365,323
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	15,000,000,000	7,503,165,323
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	16,020,000,000	11,530,200,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		6,788,520,901	4,687,363,355
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	6,334,484,126	4,414,797,380
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	309,036,775	97,565,975
3.	Tài sản dài hạn khác	268		145,000,000	175,000,000
VI.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,111,193,894,081	761,409,697,371

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		678,298,085,034	557,639,770,068
I.	Nợ ngắn hạn	310		526,345,128,464	476,339,804,838
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	389,427,471,597	411,019,661,489
2.	Phải trả người bán	312		90,465,271,493	47,150,187,530
3.	Người mua trả tiền trước	313		176,049,110	96,900,000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	19,758,241,943	14,690,098,172
5.	Phải trả người lao động	315		4,910,290,727	2,346,405,731
6.	Chi phí phải trả	316	V.18	9,148,045,864	268,460,085
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	12,071,248,803	738,831,591
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	388,508,927	29,260,240
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		151,952,956,570	81,299,965,230
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.21	1,163,825,000	1,233,825,000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.22	150,526,727,858	79,806,561,528
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		262,403,712	259,578,702
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		392,694,395,886	203,769,927,303
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.23	392,694,395,886	203,769,927,303
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250,000,000,000	150,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		69,047,988,652	6,338,500,000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(2,446,724,000)	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		4,811,480,609	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1,425,236,659	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		712,618,330	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		69,143,795,636	47,431,427,303
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C -	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	40,201,413,161	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,111,193,894,081	761,409,697,371

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		160,056	38,845
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Tổng Giám đốc

Lê Hoàng Hà


Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,452,135,895,606	1,067,148,493,814
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		346,478,317	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,451,789,417,289	1,067,148,493,814
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,197,884,248,841	904,458,011,636
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		253,905,168,448	162,690,482,178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	29,335,927,358	8,347,882,655
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	95,447,365,633	68,797,433,135
Trong đó: chi phí lãi vay	23		65,799,940,277	34,403,470,146
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	69,565,089,977	29,330,521,195
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	26,679,363,576	25,805,010,448
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91,549,276,620	47,105,400,055
11. Thu nhập khác	31	VI.7	35,299,026,931	1,578,037,145
12. Chi phí khác	32	VI.8	5,089,858,415	2,301,174,810
13. Lợi nhuận khác	40		30,209,168,516	(723,137,665)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	209,620,530
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		121,758,445,136	46,591,882,920
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	31,731,541,819	9,814,414,588
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(211,470,800)	1,146,551,851
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		90,238,374,117	35,630,916,481
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		21,091,413,161	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		69,146,960,956	35,630,916,481
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3,518	2,850

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Như Dung

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		121,758,445,136	46,385,427,713
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		25,657,437,032	19,762,698,724
- Các khoản dự phòng	03		365,012,700	143,919,952
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		472,405,307	1,280,087,607
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22,869,966,329)	(6,287,351,370)
- Chi phí lãi vay	06		65,799,940,277	34,403,470,146
- Lãi do đánh giá tăng tài sản			(29,036,617,508)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		162,146,656,615	95,688,252,772
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(137,731,045,052)	(130,696,376,249)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(92,895,111,222)	(31,541,119,789)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		52,525,228,872	(106,670,123,531)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,285,540,260)	(160,069,992)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(56,791,710,063)	(34,391,395,520)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22,671,545,451)	(7,796,606,253)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		98,262,376	192,412,146
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4,898,766,806)	(952,791,981)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(102,503,570,991)	(216,327,818,397)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(48,586,571,958)	(48,339,620,486)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3,467,346,303	692,347,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9,700,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13,700,000,000	10,199,400,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(16,500,800,000)	(790,201,065)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		40,604,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,818,684,972	6,198,490,244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8,197,340,683)	(32,039,584,307)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		162,709,488,652	36,338,500,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2,446,724,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,168,884,344,841	858,640,590,565
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,111,748,336,518)	(654,403,178,686)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2,721,000,000)	(2,182,766,200)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45,000,000,000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		169,677,772,975	238,393,145,679
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		58,976,861,301	(9,974,257,025)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	26,426,038,195	36,400,295,220
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(91,160,172)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	85,311,739,324	26,426,038,195

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Tổng Giám đốc

Lê Hoàng Hà



Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại

3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Tổng số các công ty con: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Sơn Hà (nay là Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn)

Địa chỉ trụ sở chính: 210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích: 70%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 70%

6. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Minh Tân

Lý do: Trong kỳ Công ty Mẹ đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty liên kết này

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng

Lý do: Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản. Năm 2010 Công ty chưa có Báo cáo kết quả kinh doanh.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Tập đoàn có 825 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 675 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm, Công ty thực hiện bán bớt 49% vốn tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà cho các Cổ đông khác. Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà thực hiện đánh giá lại tài sản và chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà được phản ánh tăng thu nhập khác là: 29.036.617.508 VND làm cho lợi nhuận khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tăng lên đột biến. Toàn bộ lợi nhuận có được do đánh giá lại tài sản tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà được sử dụng để trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của

công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ

khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.8.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 48 năm theo thời gian giao đất.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả

được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:
31/12/2009: 17.941 VND/USD

31/12/2010: 18.932 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc

thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.322.904.842	14.653.306.609
Tiền gửi ngân hàng	43.988.834.482	11.772.731.586
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	40.000.000.000	
Cộng	85.311.739.324	26.426.038.195

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		30.489.858.000		
- DZM	70.300	1.736.410.000		
- HSG	119.150	2.359.170.000		
- HUT	90.000	1.800.000.000		
- KDC	20.400	1.030.200.000		
- OGC	20.000	490.000.000		
- PET	217.290	3.954.678.000		
- PVX	612.000	12.866.400.000		
- TBC	130.000	1.768.000.000		
- VND	230.000	4.485.000.000		
Đầu tư ngắn hạn khác		9.700.000.000		13.700.000.000
Cho Công ty Cổ phần Minh Ngọc vay với lãi suất 17%/năm		6.700.000.000		
Cho Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà vay với lãi suất 17%/năm		3.000.000.000		13.700.000.000
Cộng		40.189.858.000		13.700.000.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	Số đầu năm
Trích lập dự phòng bổ sung	334.480.000
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối năm	334.480.000

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khoản cho vay không tính lãi	4.266.000.000	2.600.034.821
Phải thu các đại lý lãi tiền vay	100.913.889	4.082.280.000
Công ty Cổ phần Hợp Phú - Phần còn lại của hợp đồng đầu tư đã thanh lý	2.000.000.000	
Thuế GTGT của TSCĐ thuế tài chính	109.498.333	162.401.233
Thuế VAT hàng về chưa có hóa đơn	410.670.183	
Các khoản phải thu khác	335.076.752	104.673.863
Cộng	7.222.159.157	6.949.389.917

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	49.611.671.016	10.807.960.299
Nguyên liệu, vật liệu	114.621.065.817	112.428.719.340
Công cụ, dụng cụ	6.082.680.731	1.137.691.431
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.427.650	
Thành phẩm	75.346.564.326	33.453.601.987
Hàng hóa	22.842.538.212	17.691.733.048
Hàng gửi đi bán	201.879.481	303.009.906
Cộng	268.717.827.233	175.822.716.011

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	215.213.440	65.380.947
Chi phí lắp biển quảng cáo	451.921.660	776.983.889
Chi phí thuê đất		45.503.749
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.087.744.145	528.603.361
Các chi phí khác	425.415.669	
Cộng	2.180.294.914	1.416.471.946

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	47.665.745.629	2.582.360.775
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.396.560.926	4.779.542.144
Cộng	57.062.306.555	7.361.902.919

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	64.868.628.111	130.966.814.452	20.214.759.464	5.069.692.656	221.119.894.683
Mua trong năm	1.454.761.169	12.791.242.628	22.008.419.063	514.044.564	36.768.467.424
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính		11.827.961.828	1.623.899.474	-	13.451.861.302
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		1.454.761.169	-	-	1.454.761.169
Tăng do đánh giá lại tài sản Công ty con trước khi cổ phần hóa		5.705.318.703	1.466.236.706	41.312.753	7.212.868.162
Thanh lý, nhượng bán	(970.316.565)	(1.794.648)	(3.410.580.038)	-	(4.382.691.251)
Số cuối năm	65.353.072.715	162.744.304.132	41.902.734.669	5.625.049.973	275.625.161.489
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		8.958.811.259	312.836.194	185.820.221	9.457.467.674
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.808.811.584	37.386.991.016	6.075.337.434	892.292.478	49.163.432.513
Khấu hao trong năm	2.014.583.199	17.563.182.162	3.031.414.944	787.236.360	23.396.416.665
Mua lại tài sản thuê tài chính		5.700.824.665	695.814.434	-	6.396.639.099
Tăng do đánh giá lại tài sản		791.860.423	407.602.679	-	1.199.463.102
Thanh lý, nhượng bán	(964.166.508)	(1.794.648)	(999.031.260)	-	(1.964.992.416)
Giảm do đánh giá lại tài sản	(25.368.075)	-	-	(12.315.100)	(37.683.175)
Số cuối năm	5.833.860.200	61.441.063.619	9.211.138.231	1.667.213.738	78.153.275.788
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	60.059.816.527	93.579.823.436	14.139.422.030	4.177.400.178	171.956.462.170
Số cuối năm	59.519.212.515	101.303.240.513	32.691.596.438	3.957.836.235	197.471.885.701

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.803.839.542 VND và 14.334.906.197 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng.

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	18.207.145.618	1.538.229.954	19.745.375.572
Phân loại lại	(85.669.520)	85.669.520	
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(11.827.961.828)	(1.623.899.474)	(13.451.861.302)
Số cuối năm	6.293.514.270	-	6.293.514.270
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.335.035.816	516.986.237	5.852.022.053
Khấu hao trong năm	1.407.846.393	97.433.976	1.505.280.369
Phân loại lại	(81.394.221)	81.394.221	
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(5.700.824.665)	(695.814.434)	(6.396.639.099)
Số cuối năm	960.663.323	-	960.663.323
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.872.109.802	1.021.243.717	13.893.353.519
Số cuối năm	5.332.850.947	-	5.332.850.947

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.702.915.670	1.882.061.763	18.584.977.433
Mua trong năm		234.920.750	234.920.750
Giảm trong năm			
Số cuối năm	16.702.915.670	2.116.982.513	18.819.898.183
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	816.477.821	327.281.593	1.143.759.414
Khấu hao trong năm	363.291.816	392.448.182	755.739.998
Tăng trong năm			
Số cuối năm	1.179.769.637	719.729.775	1.899.499.412
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.886.437.849	1.554.780.170	17.441.218.019
Số cuối năm	15.523.146.033	1.397.252.738	16.920.398.771

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng do đánh giá lại tài sản	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm
Khu công nghiệp và đô thị An Dương	238.095.238			238.095.238
Cài đặt và nâng cấp phần mềm EFFECT	106.265.750	128.655.000		234.920.750
Sân đường, bồn hoa xường Diễn	106.893.714	181.689.167		288.582.881
Các công trình phụ trợ xường Phùng	109.376.661	207.038.811		316.415.472
Khung sàn, bán mái xường Diễn (Nhà điều hành xường Diễn)	847.562.153	318.616.135		1.166.178.288
Nhà máy Sơn Hà tại Hóc Môn	13.844.502.300	11.536.616.131	22.587.559.819	47.968.678.250
Cộng	15.252.695.816	12.372.615.244	22.587.559.819	1.689.681.919

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Minh Tân (i)				35%	7.503.165.323
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng (ii)	Kinh doanh bất động sản	30%	15.000.000.000		
Cộng			15.000.000.000		7.503.165.323

(i) Trong năm, Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu đầu tư vào Công ty Minh Tân với giá bán 18.750.000.000 VND, lãi 11.250.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31/12/2010 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50% (xem thêm thuyết minh V.19)

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư trái phiếu				11.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		16.020.000.000		11.519.200.000
<i>Đầu tư xây dựng khu đô thị Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội</i>				<i>1.500.000.000</i>
<i>Đầu tư dự án Paradise Garden (a)</i>		<i>5.000.000.000</i>		<i>8.000.000.000</i>
<i>Công ty Bất động sản Havico</i>		<i>2.710.000.000</i>		
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà (b)</i>	<i>231.000</i>	<i>2.310.000.000</i>	<i>201.920</i>	<i>2.019.200.000</i>
<i>Ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long (c)</i>		<i>6.000.000.000</i>		
Cộng		16.020.000.000		11.530.200.000

(a) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 01/HĐHTĐTXD&KD về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án: Khu nhà ở cao cấp và dịch vụ du lịch Đà Lạt Paradise Garden giữa Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, vốn góp dự kiến của dự án là 50 tỷ trong đó Sơn Hà góp 25%, tương đương 12,5 tỷ. Đến 31/12/2010, Sơn Hà đã góp 5 tỷ, số còn phải góp là 7,5 tỷ VND.

(b) Trong năm Công ty đã mua thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 231.000 cổ phiếu, tương đương 11,55% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà.

(c) Theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2010/HĐUT/LVS-SONHA ngày 6/11/2010, Công ty Sơn Hà ủy thác cho ông Lê Vĩnh Sơn mua 25% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long với giá 7,5 tỷ VND. Đến 31/12/2010 Công ty đã chuyển tiền 6 tỷ VND. Số còn phải chuyển 1,5 tỷ. Mọi quyền lợi phát sinh từ số cổ phiếu ủy thác đầu tư đều thuộc về bên ủy thác (Sơn Hà). Bên nhận ủy thác chỉ có trách nhiệm thay mặt bên ủy thác để góp vốn điều lệ.

Ngày 4 tháng 1 năm 2011, Hội đồng quản trị công ty Sơn Hà đã thông qua phương án ủy thác đầu tư mua vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long như sau: Ủy thác cho Ông Lê Vĩnh Sơn 25%, ông Lê Hoàng Hà 20%. Tổng số vốn điều lệ ủy thác mua bằng 45% vốn điều lệ của Thăng Long.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng do đánh giá lại tài sản	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng	1.035.752.621	388.676.859		638.939.415	785.490.065
Công cụ dụng cụ	2.046.863.462	1.577.066.996	397.969.672	1.912.616.148	2.109.283.982
Chi phí marketing và nghiên cứu thị trường	316.794.033	-		266.744.910	50.049.123
Phí bảo hiểm tài sản	233.554.533	-		150.939.839	82.614.694
Chi phí xây dựng các showroom	210.920.309	778.212.259		363.201.935	625.930.633
Chi phí sửa chữa tài sản	514.719.167	2.550.000.000		420.519.724	2.644.199.443
Các chi phí khác	56.193.255	67.931.276		87.208.345	36.916.186
Cộng	4.414.797.380	5.361.887.390	397.969.672	3.840.170.316	6.334.484.126

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	97.565.975	1.244.117.826
Hợp nhất kinh doanh	309.036.775	97.565.975
Số hoàn nhập	(97.565.975)	(1.244.117.826)
Số cuối năm	309.036.775	97.565.975

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	347.843.526.803	373.369.350.901
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1		21.116.848.746
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	88.195.321.954	89.827.419.440
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		46.847.639.750
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	37.361.196.372	42.173.338.752
Ngân hàng TMCP Hàng hải	130.326.339.430	173.404.104.213
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	39.612.350.385	
Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Chương Dương	42.832.529.880	
Ngân hàng TMCP Đại Dương	9.515.788.782	
Vay dài hạn đến hạn trả	41.583.944.794	37.650.310.588
Cộng	389.427.471.597	411.019.661.489

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	373.369.350.901	37.650.310.588	411.019.661.489
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.046.413.648.123		1.046.413.648.123
Số kết chuyển		41.583.944.794	41.583.944.794
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.066.205.595.029)	(37.650.310.588)	(1.103.855.905.617)
Giảm do đánh giá chênh lệch tỷ giá	(5.733.877.192)		(5.733.877.192)
Số cuối năm	347.843.526.803	41.583.944.794	389.427.471.597

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.790.816.474	7.047.465.848	12.799.710.714	38.571.608
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.564.024.274	74.500.274.541	73.417.604.347	2.646.694.468
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu	24.172.712	594.982.847	597.628.930	21.526.629
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.308.447.242	31.731.541.819	22.671.545.451	16.368.443.610
Thuế thu nhập cá nhân	2.045.400	1.086.193.215	1.067.972.595	20.266.020
Tiền thuê đất		134.725.266		134.725.266
Các loại thuế khác		490.121.962	85.253.762	404.868.200
Cộng	14.689.506.102	115.585.305.498	110.639.715.799	19.635.095.801

Trong đó:	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	14.690.098.173	19.758.241.943
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(592.071)	(123.146.142)
Cộng	14.689.506.102	19.635.095.801

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	121.758.445.136	46.591.882.920
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	4.249.690.341	(3.790.073.737)
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.776.615.657	1.396.018.098
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.524.810.180	869.092.782
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản ký quỹ ngắn hạn		136.661.416
Lãi chưa thực hiện của giao dịch mua bán hàng tồn kho, tài sản cố định giữa công ty mẹ và công ty con	1.236.147.098	390.263.900
Lỗi của chi nhánh	15.658.379	
- Các khoản điều chỉnh giảm		(5.186.091.835)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước	(136.661.416)	(4.976.471.305)
Lãi công ty liên kết ghi nhận theo phương pháp vốn chủ		(209.620.530)
Lãi đã thực hiện của năm trước	(390.263.900)	
Thu nhập tính thuế	126.008.135.477	42.801.809.183
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31.502.033.870	10.700.452.296
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%		(982.426.110)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	229.507.949	96.388.402
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31.731.541.819	9.814.414.588

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 16.100 VND/m². Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 2.635 VND/m².

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	9.020.304.840	12.074.626
Chi phí sản xuất kinh doanh	127.741.024	256.385.459
Cộng	9.148.045.864	268.460.085

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	38.783.134	455.571.010
Kinh phí công đoàn	761.875.063	281.954.947
Nhận góp vốn đầu tư vào công ty Kiến Hưng	8.250.000.000	
Nhận góp vốn đầu tư vào dự án Paradise	800.000.000	
Tiền phạt vi phạm pháp luật thuế	1.741.503.573	
Phải trả khác	479.087.033	1.305.634
Cộng	12.071.248.803	738.831.591

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	29.260.240
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	293.572.311
Tăng khác	68.262.376
Chi quỹ	(2.586.000)
Số cuối năm	388.508.927

21. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	48.650.503.044	73.985.336.714
Ngân hàng Công thương Chương Dương (a)	7.379.043.648	20.014.964.965
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (b)	10.581.681.180	23.563.353.180
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 (c)	3.481.918.712	5.881.918.712
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (d)	6.139.195.302	10.207.056.274
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (e)	8.888.630.018	7.127.115.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín		438.600.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Chợ Lớn (f)	2.988.300.000	
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.Hồ Chí Minh (g)	1.709.843.580	6.752.328.583
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch (h)	7.481.890.604	
Nợ dài hạn (Công ty cho thuê tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam)	1.876.224.814	5.821.224.814
Trái phiếu công ty	100.000.000.000	
Trái phiếu thời hạn 2 năm – Lãi suất 16%/năm (i)	50.000.000.000	
Trái phiếu thời hạn 3 năm – Lãi suất 16,25%/năm (k)	50.000.000.000	
Cộng	150.526.727.858	79.806.561.528

(a) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Công thương Chương Dương để thanh toán tiền chuyển nhượng hạ tầng, thanh toán chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và vật kiến trúc gắn liền với đất theo dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất inox" của Công ty tại cụm công nghiệp Phùng theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐT/NHCTKVCD_SONHA ngày 25/08/2006 trong thời hạn 65 tháng với lãi suất 1,05%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam theo 2 hợp đồng vay số 75/09/LB ngày 19/11/2009 và hợp đồng vay số 75/09/LB ngày 19/11/2009, tổng giá trị vay là 42,2 tỷ để hoàn vốn đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng Công ty với lãi suất 12% năm. Khoản vay sẽ đáo hạn trong năm 2012 và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng sản xuất tại Diễn, máy móc thiết bị, ô tô phục vụ sản xuất tại khu công nghiệp Phùng và cụm công nghiệp Từ Liêm giá trị 15,5 tỷ.

(c) Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 147831/HĐTĐTH ngày 20 tháng 5 năm 2009, tổng số tiền vay là 9,6 tỷ, thời hạn vay 56 tháng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + 3,5%/năm, mục đích để thanh toán tiền mua MMTB thuộc dự án nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa công suất dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phùng. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị nhập khẩu và mua trong nước trị giá 12,93 tỷ VND.

(d) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HĐTĐ/TH-PN/TCB-HKM ngày 17/09/2009, Hợp đồng 6028/HĐTĐ/TH-PN/TCB-HKM ngày 16/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HĐTĐ/SME-DN/TCB-HKM ngày 14/12/2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(e) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải chi nhánh Sài Gòn theo 2 hợp đồng tín dụng số số 0121/09/SG ngày 19 tháng 9 năm 2009 và số 0025/10/SG.DN ngày 19 tháng 7 năm 2010 để trả tiền mua đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh và xây dựng nhà văn phòng, nhà xưởng trên đất. Khoản vay được thế chấp bằng giá trị tài sản hình thành từ vốn vay ước tính 38,421 tỷ VND và hàng tồn kho luân

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

chuyển trị giá 25 tỷ đồng;

- (f) Vay của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á chi nhánh chợ lớn theo các hợp đồng tín dụng số 18010/HĐTD-TDH/DN, 18110/HĐTD-TDH/DN, 18210/HĐTD-TDH/DN ngày 03 tháng 8 năm 2010 để thanh toán tiền mua ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (g) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán LC nhập máy móc thiết bị theo hợp đồng tín dụng số 042/07 ngày 28/9/2007 trong thời gian 54 tháng với lãi suất 1,05%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị mua về.
- (h) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo 2 hợp đồng tín dụng 01/HĐTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.
- (i) Trái phiếu công ty phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân với tư cách là đại lý quản lý các tài khoản để Đầu tư sản xuất thép không gỉ cán nguội và ống thép Inox công nghiệp tại Cụm công nghiệp Phùng, thời hạn 02 năm đáo hạn ngày 09 tháng 08 năm 2012. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16% và năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của Vietinbank cộng biên độ 5%. Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn. Trái phiếu này được đảm bảo bằng quyền sở hữu 3.600.000 cổ phần Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà thuộc sở hữu của các cổ đông.
- (k) Trái phiếu công ty không có bảo đảm phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình với tư cách là đại lý Đăng ký lưu ký, thời hạn 03 năm đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2013. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16,25% và 02 năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Argibank cộng biên độ 4,5%. Lãi trả hàng năm, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trên 1 năm đến 5 năm	150.526.727.858	79.806.561.528
Trên 5 năm		
Tổng nợ	150.526.727.858	79.806.561.528

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Vay dài hạn ngân hàng	Thuê tài chính	Trái phiếu không có bảo đảm	Cộng
Số đầu năm	73.985.336.714	5.821.224.814		79.806.561.528
Số tiền vay phát sinh	22.470.696.718		100.000.000.000	122.470.696.718
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá	446.845.307			446.845.307
Số tiền vay đã trả	(7.892.430.901)	(2.721.000.000)		(10.613.430.901)
Số kết chuyển	(40.359.944.794)	(1.224.000.000)		(41.583.944.794)
Số cuối năm	48.650.503.044	1.876.224.814	100.000.000.000	150.526.727.858

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000						12.006.966.029	132.006.966.029
Cổ đông góp vốn bằng tiền	30.000.000.000	6.338.500.000					-	36.338.500.000
Lợi nhuận trong năm nay							35.630.916.481	35.630.916.481
Lỗ phát sinh năm trước tại công ty liên kết							(206.455.207)	(206.455.207)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	6.338.500.000					47.431.427.303	203.769.927.303
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	6.338.500.000					47.431.427.303	203.769.927.303
Cổ đông góp vốn bằng tiền	100.000.000.000	63.439.272.500					163.439.272.500	163.439.272.500
Mua cổ phiếu quỹ			(2.446.724.000)					(2.446.724.000)
Lợi nhuận trong năm nay							69.146.960.956	69.146.960.956
Trích lập các quỹ trong năm nay				1.425.236.659	712.618.330		(2.431.427.300)	(293.572.311)
Chia cổ tức trong năm nay							(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm				4.811.480.609				4.811.480.609
Thanh lý công ty liên kết							(3.165.323)	(3.165.323)
Chi phí phát hành cổ phiếu tăng vốn							(729.783.848)	(729.783.848)
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	69.047.988.652	(2.446.724.000)	4.811.480.609	1.425.236.659	712.618.330	69.143.795.636	392.694.395.886

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư	250.000.000.000	150.000.000.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	53.360.000.000	52.800.000.000
Ông Lê Hoàng Hà	45.000.000.000	43.200.000.000
Ông Lê Văn Ngà	24.000.000.000	24.000.000.000
Cổ đông khác	127.640.000.000	30.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	69.047.988.652	
Cổ phiếu quỹ	(2.446.724.000)	
Cộng	316.601.264.652	150.000.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay
Trả cổ tức năm trước (15%)	22.500.000.000
Tạm ứng cổ tức (15%)	22.500.000.000
Cộng	45.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	126.710	
- Cổ phiếu phổ thông	126.710	
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.873.290	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.873.290	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

24. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	21.091.413.161
Tăng do hợp nhất kinh doanh	39.200.000.000
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(20.090.000.000)
Số cuối năm	40.201.413.161

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.451.789.417.289	1.067.148.493.814
- Doanh thu bán hàng hóa	303.752.589.357	558.575.224.503
- Doanh thu bán thành phẩm	1.144.515.122.713	507.892.324.565
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.868.183.536	680.944.746
Các khoản giảm trừ doanh thu (hàng bán bị trả lại)	(346.478.317)	
Doanh thu thuần	1.451.789.417.289	1.067.148.493.814
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	303.752.589.357	558.575.224.503
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.144.168.644.396	507.892.324.565
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.868.183.536	680.944.746

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	243.640.302.369	457.237.487.973
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	952.899.355.141	447.220.523.663
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.344.591.331	
Cộng	1.197.884.248.841	904.458.011.636

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.736.404.972	6.981.864.911
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	100.913.889	22.372.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.515.608.497	1.343.645.744
Lãi chuyển nhượng công ty con	5.733.000.000	
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	11.250.000.000	
Cộng	29.335.927.358	8.347.882.655

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	65.799.940.277	34.403.470.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	472.405.307	1.280.087.607
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.291.267.219	32.845.519.693
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	334.480.000	
Chi phí tài chính khác	2.549.272.830	268.355.689
Cộng	95.447.365.633	68.797.433.135

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	12.546.625.403	8.867.822.357
Chi phí vật liệu, bao bì	7.664.693.881	21.394.010
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.512.351.357	70.030.341
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.278.223.082	1.040.301.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.114.374.540	13.424.865.715
Chi phí bằng tiền khác	10.448.821.714	5.906.107.311
Cộng	69.565.089.977	29.330.521.195

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.712.526.104	4.634.626.786
Chi phí vật liệu quản lý	1.147.845.296	1.144.380.207
Chi phí đồ dùng văn phòng	143.315.738	975.091.039
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.069.440.437	2.199.417.797
Thuế, phí và lệ phí	67.261.075	265.116.370
Chi phí dự phòng	30.532.700	143.919.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.961.949.203	11.918.954.528
Chi phí bằng tiền khác	11.546.493.023	4.523.503.769
Cộng	26.679.363.576	25.805.010.448

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.467.346.303	692.347.000
Thu nhập từ chênh lệch đánh giá lại tài sản	29.036.617.508	
Thanh lý công cụ dụng cụ	131.967.918	205.104.168
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		133.310.598
Bồi thường do hàng kém phẩm chất	2.469.894.239	477.083.375
Thu nhập khác	193.200.963	70.192.004
Cộng	35.299.026.931	1.578.037.145

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	2.417.698.835	1.409.232.541
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	43.384.000	230.654.205
Thuê nhà xưởng		227.361.818
Khấu hao tài sản cố định cho thuê	64.342.637	357.969.623
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.347.408.193	
Chi phí khác	217.024.750	75.956.623
Cộng	5.089.858.415	2.301.174.810

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	69.146.960.956	35.630.916.481
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	69.146.960.956	35.630.916.481
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.656.108	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.518	2.850

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.000.000	12.000.000
Ảnh hưởng của 126.710 cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 12	(10.559)	
Ảnh hưởng của 3.000.000 cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 10 năm 2009		500.000
Ảnh hưởng của 3.000.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 02 tháng 06 năm 2010	1.750.000	
Ảnh hưởng của 7.000.000 cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 8 năm 2010	2.916.667	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.656.108	12.500.000

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Trả tiền vay		103.860.396
Tạm ứng	116.756.216.529	118.695.000
Thanh toán tạm ứng	116.608.343.000	4.087.147.900
Ủy thác đầu tư cho ông Lê Vĩnh Sơn	6.000.000.000	
Ban điều hành		
Cho vay (không tính lãi)		954.000.000
Trả tiền vay		113.921.166
Tạm ứng đầu tư bất động sản	46.479.400.000	170.805.000
Thanh toán tạm ứng		97.845.000
Bán khoản đầu tư cho ông Lê Hoàng Hà	2.535.000.000	
Giá trị khoản vốn góp	1.950.000.000	
Lãi bán vốn	585.000.000	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	160.462.629	
Ban điều hành	46.552.360.000	954.000.000
Cộng nợ phải thu	46.712.822.629	954.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay
Tiền lương	664.007.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		
Cho vay	3.000.000.000	771.200.000
Thu tiền cho vay	13.700.000.000	
Thu lãi cho vay	1.294.513.768	
Bán hàng hóa	65.737.093.409	7.882.132.446
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	69.034.415.361	15.515.864.566
Cho thuê tài sản	36.093.532	
Chuyển tiền góp vốn	290.800.000	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng

Góp vốn cổ phần	13.500.000.000
Trả trước tiền mua đất	4.500.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	28.283.114.913	13.938.566.662
Tiền bán hàng	25.283.114.913	238.566.662
Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	13.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng (Trả trước tiền đất)	4.500.000.000	
Cộng nợ phải thu	32.783.114.913	13.938.566.662

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.098.390.258.924	565.861.891.026	6.293.018.425		1.670.545.168.375
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	(218.755.751.086)	(218.755.751.086)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.098.390.258.924	565.861.891.026	6.293.018.425	218.755.751.086	1.451.789.417.289
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	58.165.504.984	121.226.146.393	4.948.427.094	-	184.340.078.471
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(26.679.363.576)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					157.660.714.895
Doanh thu hoạt động tài chính					29.335.927.358
Chi phí tài chính					(95.447.365.633)
Thu nhập khác					35.299.026.931
Chi phí khác					(5.089.858.415)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(31.731.541.819)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					211.470.800
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					90.238.374.117
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	41.492.267.348	16.135.881.746	-	(2.890.258.286)	54.737.890.808
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21.238.277.291	8.259.330.058	-	-	29.497.607.349

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.792.936.293	288.355.572.219		379.148.508.512
Tài sản phân bổ cho bộ phận	161.240.315.109	414.617.953.136		575.858.268.245
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				156.187.117.324
Tổng tài sản				1.111.193.894.081
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	38.736.287.962	99.607.597.617		138.343.885.579
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				539.954.199.455
Tổng nợ phải trả				678.298.085.034

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập ngày 28 tháng 3 năm 2011

<p>Người lập biểu</p>  <p>Nguyễn Thị Hồng Oanh</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Nguyễn Thị Như Dung</p>	<p>Tổng Giám đốc</p>  <p>Lê Hoàng Hà</p>
---	--	---



